

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên : Bùi Thị Giang**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Đức Kiên**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**HẢI PHÒNG – 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN  
XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Giang**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG – 2015**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Giang Mã SV: 1112401084

Lớp: QT1501K Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):**

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.
- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

**2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:**

**Số liệu năm 2014**

**3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:**

**CÔNG TY CP LISEMCO 5**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: *Nguyễn Đức Kiên*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Lisemco 5

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày .... tháng ..... năm 2015.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày .....tháng ..... năm 2015.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

***Bùi Thị Giang***

***Ths. Nguyễn Đức Kiên***

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2015***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp.
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khoá luận đúng thời gian quy định.

**2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)**

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa năm 2014. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.

- Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục.

**3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):**

**Bằng số :**

**Bằng chữ:**

*Hải Phòng, ngày 03 tháng 07 năm 2015*

**Giáo viên hướng dẫn**

*Ths. Nguyễn Đức Kiên*

**MUC LUC**

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

LỜI MỞ ĐẦU .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
CHƯƠNG 1 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1 Bản chất của giá thành.....	4
1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3 Phân loại chi phí sản xuất.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3.2 Phân loại chi phí sản xuất theo chức năng hoạt động	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3.3 Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động (theo cách ứng xử của chi phí) .....	7
1.4 Phân loại giá thành sản phẩm.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.4.1 Phân loại giá thành theo thời điểm xác định giá thành	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.4.2 Phân loại giá thành theo nội dung kinh tế cấu thành giá thành.....	8
1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	9
1.5.3 Kỳ tính giá thành .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất .....	10
1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7.1 Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7.2 Phương pháp hệ số.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>



1.7.3 Phương pháp tỷ lệ .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7.4 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7.5 Phương pháp phân bước .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7.5.1 Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí song song) .....	13
1.7.5.2 Tính giá thành phân bước theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự).....	14
1.7.6 Phương pháp đơn đặt hàng.....	15
1.8 Đánh giá sản phẩm dở dang .....	15
1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp...	16
1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương.....	16
1.8.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức (chi phí kế hoạch).....	17
1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.....	17
1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	17
1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	17
1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung .....	20
1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất cuối kỳ.....	23
1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	24
1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	26
1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.10.1.1 Đối với sản phẩm sửa chữa được.....	27
1.10.1.2 Đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	27
1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán .....	29
1.11.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.11.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.11.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	30
1.11.4 Hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ.....	31
1.11.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2 .....	32
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5.....	32
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	32
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	32
2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	33
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Lisemco 5. ....	34
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Lisemco 5. ....	8
2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 .....	37
2.1.4.2 Chính sách kế toán chủ yếu áp dụng tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	37
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	38
2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất .....	38
2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	8
2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	39
2.2.2.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	39
2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	8
2.2.3.1 Kỳ tính giá thành .....	39
2.2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....	39

2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 .....	40
2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 ..	40
2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Lisemco 5	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Lisemco 5	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.2.4.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
CHƯƠNG 3 .....	70
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5 .....	70
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần Lisemco 5. ....	70
3.1.1 Ưu điểm .....	70
3.1.2 Hạn chế.....	36
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. ....	72
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Lisemco 5.....	73
3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Lisemco 5.....	74
3.4.1 Kiến nghị 1: Về việc thay đổi phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho.	39
3.4.2 Kiến nghị 2: Về việc trích trước tiền thuê phân xưởng .....	40
3.4.3 Kiến nghị 3: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3.4.4 Kiến nghị 4: Về việc hạch toán Kinh phí công đoàn.....	42
3.4.5 Kiến nghị 5: Về việc áp dụng phần mềm kế toán.....	77
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	44
3.5.1 Về phía Nhà nước .....	44
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	44
KẾT LUẬN.....	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	81

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Quy trình tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm .....	14
Sơ đồ 1.2: Quy trình tính giá thành theo phương án phân bước có tính giá bán thành phẩm .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp Chi phí Nhân công trực tiếp .....	20
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp Chi phí sản xuất chung .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.8: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.9: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ .....	30
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ.....	31
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....	31
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty Cổ phần Lisemco 5 .	34
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	34
Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 .....	8
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	38
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán trích trước chi phí tiền thuê phân xưởng .....	40
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

<b>Biểu 2.1:</b> Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây.....	33
<b>Biểu 2.2:</b> Phiếu yêu cầu vật tư .....	41
<b>Biểu 2.3:</b> Phiếu xuất kho PX03/T09 .....	42
<b>Biểu 2.4:</b> Trích Bảng kê xuất vật tư BKK01/T09.....	43
<b>Biểu 2.5:</b> Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
<b>Biểu 2.6:</b> Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.. <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
<b>Biểu 2.7:</b> Trích Sổ Nhật ký chung .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.8:</b> Trích Sổ Cái TK 621 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.9:</b> Các khoản trích theo lương năm 2014 <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
<b>Biểu 2.10:</b> Bảng chấm công tháng 09/2014 của xưởng Gá lắp chi tiết .....	50
<b>Biểu 2.11:</b> Bảng tính lương tháng 09/2014 của xưởng Gá lắp chi tiết.....	51
<b>Biểu 2.12:</b> Bảng thanh toán lương tháng 09/2014 của xưởng Gá lắp chi tiết ....	52
<b>Biểu 2.13:</b> Bảng trích các khoản theo lương tháng 09/2014 của xưởng Gá lắp chi tiết.	53
<b>Biểu 2.14:</b> Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương tháng 9/2014..	54
<b>Biểu 2.15:</b> Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm tháng 9/2014 <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
<b>Biểu 2.16:</b> Trích Sổ Nhật ký chung .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.17:</b> Trích Sổ cái TK 622.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.18:</b> Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp.....	23
<b>Biểu 2.19:</b> Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn .....	60
<b>Biểu 2.20:</b> Bảng phân khấu hao tài sản cố định.....	61
<b>Biểu 2.21:</b> Trích Sổ Nhật ký chung .....	62
<b>Biểu 2.22:</b> Trích Sổ cái TK 627 .....	63
<b>Biểu 2.23:</b> Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung.....	64
<b>Biểu 2.24:</b> Phiếu kế toán PKT01/T09 .....	65
<b>Biểu 2.25:</b> Phiếu kế toán PKT02/T09 .....	66
<b>Biểu 2.26:</b> Phiếu kế toán PKT03/T09 .....	67
<b>Biểu 2.27:</b> Thẻ tính giá thành sản phẩm .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.28:</b> Phiếu kế toán PKT04/T09 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 2.29:</b> Trích Sổ Nhật ký chung .....	68
<b>Biểu 2.30:</b> Trích Sổ cái TK 154 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Biểu 3.1:</b> Các khoản trích theo lương năm 2014 của Công ty Cổ phần Lisemco 5 .....	76
<b>Biểu 3.2:</b> Báo giá bán mới phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET 2015 .....	78

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Tên ký hiệu</b>
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	CCDC	Công cụ, dụng cụ
5	CT	Chứng từ
6	ĐP	Đoàn phí
7	ĐVT	Đơn vị tính
8	GTGT, VAT	Giá trị gia tăng
9	NHH	Nắp hầm hàng
10	NT	Ngày tháng
11	NTĐN	Nghĩa tình đồng nghiệp
12	NVL	Nguyên vật liệu
13	SH	Số hiệu
14	SL	Số lượng
15	STT	Số thứ tự
16	TK	Tài khoản
17	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
18	TT	Thành tiền
19	TT	Thực tế
20	TSCĐ	Tài sản cố định



## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống chỉ tiêu kế toán doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành là hai chỉ tiêu cơ bản, có mối quan hệ khăng khít với nhau và có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định kết quả sản xuất kinh doanh mà cụ thể là lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh đó. Muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt thì hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận nhiều hay ít cũng phải bù đắp được chi phí bỏ ra. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng sức tiêu thụ, cải thiện khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Các doanh nghiệp cần hạch toán chi phí đầu vào một cách hợp lý, tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết nhằm tránh lãng phí. Việc hạch toán chi phí sản xuất chính xác sẽ giúp doanh nghiệp nhận thức đúng tình hình thực tế từ đó đề ra các phương thức quản lý chi phí sản xuất nhằm làm tốt công tác tính giá thành sản phẩm. Như vậy kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu quan trọng và là trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian tìm hiểu và thực tế công tác hạch toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5, được sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo *ThS. Nguyễn Đức Kiên*, Ban lãnh đạo công ty và đặc biệt là các cô chú, anh chị làm việc tại Phòng Tài chính - Kế toán, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục tiêu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.
- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.



### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.
- *Phạm vi nghiên cứu đề tài:* Tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương chính:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.
- Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

#### 1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Trong mọi hoạt động của doanh nghiệp đều phát sinh các hao phí, như nguyên vật liệu, tài sản cố định, sức lao động... Biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí phát sinh nói trên gọi là chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công...

Theo kế toán tài chính, chi phí được nhận thức như những khoản phí tổn thực tế phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một sản phẩm, dịch vụ, của cải nhất định.

Theo kế toán quản trị, chi phí có thể là dòng phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động hằng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra ra quyết định, chi phí cũng có thể là dòng phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi do lựa chọn phương án, hy sinh cơ hội kinh doanh...

Từ các quan điểm, ta có thể đưa ra khái niệm tổng quát về chi phí sản xuất như sau: chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa cùng các chi phí khác để sản xuất chế tạo sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã chi ra biểu hiện bằng tiền cho quá trình sản xuất trong một kỳ sản xuất nhất định.

Đối với nhà quản lý thì các chi phí là một trong những mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít, chịu ảnh hưởng trực tiếp của chi phí đã chi ra. Cho nên, chi phí được xem như một trong những chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát tốt được các khoản chi phí. Nhận diện, phân tích các chi phí phát sinh là điều mấu chốt để có thể ghi nhận, đo lường chính xác đầy đủ về chi phí cũng như quản lý, kiểm soát tốt chi phí, từ đó có những quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

## **1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm**

### **1.2.1 Bản chất của giá thành**

Có nhiều khái niệm về giá thành sản phẩm.

Nhà kinh tế Xô Viết A.Vaxin: “Giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ giá trị tư liệu sản xuất chuyển vào sản phẩm và một phần giá trị mới sáng tạo ra”.

Các tác giả Cộng hòa Dân Chủ Đức: “Giá thành là những hao phí bằng tiền về lao động sống (dưới hình thức tiền lương) và lao động vật hóa cũng như chi phí bằng tiền khác để chuẩn bị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ của doanh nghiệp”.

Từ điển thuật ngữ tài chính – tín dụng của Bộ Tài Chính: “Giá thành là toàn bộ hao phí lao động vật hóa (nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, khấu hao tài sản cố định và công cụ nhỏ) và lao động sống trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, quản lý kinh doanh, được tính bằng tiền cho một sản phẩm, một đơn vị công việc, hoặc một dịch vụ sau một thời kỳ, thường là đến ngày cuối tháng”.

Từ những khái niệm trên, giá thành sản phẩm có những đặc trưng sau:

- Bản chất của giá thành là chi phí – chi phí, phí tổn về nguồn lực kinh tế có mục đích – được sắp xếp theo yêu cầu của nhà quản lý.
- Giá thành thể hiện mối tương quan giữa chi phí với kết quả đạt được trong từng giai đoạn, từng hoạt động nhất định.
- Giá thành thể hiện phạm vi giới hạn chi phí trong một đơn vị, một khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Về mặt ý nghĩa kinh tế, giá thành là một chỉ tiêu tổng hợp phản ánh chất lượng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế tài chính tại doanh nghiệp.

### **1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm**

Chức năng bù đắp chi phí: Giá thành sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà doanh nghiệp phải bỏ ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm, dịch vụ và cần được bù đắp đầy đủ, kịp thời bằng chính số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm để đảm bảo yêu cầu hoạt động tái sản xuất. Chỉ tiêu giá thành được xác định một cách chính xác sẽ đảm bảo được khả năng bù đắp theo kinh doanh của doanh nghiệp.

Chức năng lập giá: Giá cả là biểu hiện về mặt giá trị của sản phẩm, trong đó chứa đựng nội dung bù đắp hao phí vật chất dùng để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, việc lấy giá thành làm căn cứ lập giá là một yêu cầu khách quan,

vốn có trong việc sản xuất hàng hóa và được biểu hiện đầy đủ trong nền kinh tế thị trường.

Chức năng đòn bẩy kinh tế: Lợi nhuận của doanh nghiệp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành sản phẩm. Hạ giá thành giúp tăng lợi nhuận, tạo nên tích lũy để tái sản xuất. Do đó, giá thành trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh để phù hợp với các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong điều kiện cơ chế thị trường. Tính chất đòn bẩy kinh tế của giá thành đặt ra yêu cầu cho từng bộ phận sản xuất, sao cho sử dụng chi phí một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất.

Như vậy, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp có vai trò quan trọng trong công tác quản lý hoạt động doanh nghiệp. Do đó, giá thành cần được xác định một cách chính xác, trung thực nhằm giúp doanh nghiệp đưa ra các đánh giá và đề xuất biện pháp thích hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

### **1.3 Phân loại chi phí sản xuất**

Để phục vụ cho việc tổ chức, theo dõi, tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm cũng như kiểm soát các chi phí sản xuất phát sinh, xuất phát từ các mục đích khác nhau của công tác quản lý mà chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức chủ yếu sau:

#### **1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí**

Cách phân loại này căn cứ vào đặc điểm các chi phí có cùng tính chất kinh tế (nội dung kinh tế) để phân loại, không phân biệt là chi phí đó phát sinh ở đâu, cho hoạt động sản xuất kinh doanh nào. Cách phân loại này cho biết tổng chi phí phát sinh ban đầu để làm căn cứ lập kế hoạch và kiểm soát các khoản chi phí theo yếu tố...

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí nhân công: là tiền lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp) và các khoản phải trả khác cho người lao động trong kỳ.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: là phần giá trị hao mòn của tài sản cố định chuyển dịch vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản tiền điện, tiền nước, điện thoại, thuê mặt bằng...
- Chi phí khác bằng tiền: là những khoản chi phí sản xuất kinh doanh khác chưa được phản ánh ở các chi phí trên nhưng đã chi bằng tiền như chi phí tiếp khách, hội nghị...

Với cách phân loại này các doanh nghiệp biết được cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất, làm cơ sở cho việc lập dự toán chi phí sản xuất, xây dựng kế hoạch cung ứng, đảm bảo các yếu tố chi phí sản xuất...

### **1.3.2 Phân loại chi phí sản xuất theo chức năng hoạt động**

Cách phân loại này căn cứ vào chức năng hoạt động mà chi phí phát sinh để phân loại. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động giúp cho kế toán, nhà quản lý nhận thức được vai trò, vị trí của chi phí đối với từng hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau trong doanh nghiệp.

Khoản mục chi phí thể hiện trong giá thành sản phẩm gồm 3 khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, vật liệu khác... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện dịch vụ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí.
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phải trả khác cho công nhân trực tiếp sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí.
- Chi phí sản xuất chung: là những chi phí để sản xuất ra sản phẩm nhưng không kể chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí nguyên vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp, chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng trong sản xuất và quản lý sản xuất, chi phí sửa chữa bảo trì, chi phí quản lý phân xưởng...

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp dễ dàng tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, là căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành sản phẩm, từ đó lập dự toán chi phí cho kỳ sản xuất sau.

### ***1.3.3 Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động (theo cách ứng xử của chi phí)***

Cách phân loại này căn cứ vào sự thay đổi của chi phí khi có sự thay đổi của mức độ hoạt động kinh doanh. Chi phí được chia thành 3 loại như sau:

- **Biến phí (chi phí khả biến):** là chi phí mà tổng số của nó sẽ biến động khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp. Thông thường biến phí của một đơn vị hoạt động thì không đổi. Biến phí chỉ phát sinh khi có hoạt động kinh doanh.
- **Định phí (chi phí bất biến):** là những chi phí mà tổng số của nó không thay đổi hoặc rất ít thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong một phạm vi phù hợp. Tổng định phí không đổi khi sản lượng thay đổi trong phạm vi phù hợp và định phí trong một sản phẩm thay đổi khi sản lượng thay đổi.
- **Chi phí hỗn hợp:** là chi phí mà thành phần của nó bao gồm cả yếu tố bất biến và yếu tố khả biến. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thường thể hiện đặc điểm của định phí, ở mức độ hoạt động vượt quá mức căn bản thì nó thể hiện đặc điểm của biến phí.

Cách phân loại này được ứng dụng nhiều trong công tác quản trị doanh nghiệp. Nó là cơ sở xây dựng các mô hình chi phí trong mối quan hệ chi phí – khối lượng hoạt động, phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định trong ngắn hạn của nhà quản trị.

## **1.4 Phân loại giá thành**

Việc phân loại giá thành sản phẩm sẽ tạo điều kiện cho việc tính toán, lập dự toán và phân tích giá thành nhằm thực hiện việc hạch toán chính xác các khoản chi phí cũng như phân tích sự biến động của các khoản mục chi phí.

### ***1.4.1 Phân loại giá thành theo thời điểm xác định giá thành***

Theo tiêu thức phân loại này, giá thành được chia thành 3 loại:

- **Giá thành kế hoạch** là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho tổng sản phẩm kế hoạch dựa trên chi phí định mức của kỳ kế hoạch. Giá thành kế hoạch là mục tiêu doanh nghiệp đưa ra, là căn cứ để so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho một đơn vị sản phẩm dựa trên chi phí định mức của kỳ kế hoạch.
- Giá thành thực tế là giá thành được xác định sau khi đã hoàn thành việc chế tạo sản phẩm trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh và kết quả sản xuất kinh doanh thực tế đạt được.

#### **1.4.2 Phân loại giá thành theo nội dung kinh tế cấu thành giá thành**

Giá thành sản phẩm được chia thành 2 loại:

- Giá thành sản xuất: là toàn bộ chi phí sản xuất có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành bao gồm 3 khoản mục chi phí là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.
- Giá thành toàn bộ: là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến một khối lượng sản phẩm hoàn thành từ khi sản xuất đến khi tiêu thụ xong sản phẩm.

Giá thành toàn bộ còn gọi là giá thành đầy đủ và được tính như sau:

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí ngoài sản xuất (Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)}$$

### **1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành**

#### **1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất. Thực chất của xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là xác định chi phí phát sinh ở những nơi nào (phân xưởng, bộ phận, quy trình sản xuất...) và thời kỳ chi phí phát sinh (trong kỳ hay kỳ trước) để ghi nhận vào nơi chịu chi phí (sản phẩm A, sản phẩm B...).

Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường dựa vào những căn cứ như: địa điểm sản xuất, cơ cấu tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm sản phẩm, yêu cầu quản lý, trình độ và phương tiện của kế toán. Các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là phân xưởng sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, sản phẩm hay nhóm sản phẩm, công trường thi công, đơn đặt hàng...

Trong công tác kế toán, xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cơ sở xây dựng hệ thống chứng từ ban đầu liên quan đến chi phí sản xuất, xây dựng hệ thống sổ kế toán chi tiết chi phí sản xuất...

### **1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định mà doanh nghiệp cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Để xác định đối tượng tính giá thành, kế toán có thể dựa vào những căn cứ như: quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm sản phẩm, tính hàng hóa của sản phẩm, yêu cầu quản lý, trình độ và phương tiện của kế toán.

Đối tượng tính giá thành sản phẩm thường được chọn là sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc chi tiết, khối lượng sản phẩm, dịch vụ đến một điểm dừng kỹ thuật thích hợp mà nhà quản lý cần thông tin về giá thành.

Lựa chọn đối tượng tính giá thành thích hợp sẽ là cơ sở để phân tích, tổng hợp chi phí sản xuất phù hợp, tính giá thành chính xác.

### **1.5.3 Kỳ tính giá thành**

Kỳ tính giá thành sản phẩm là khoảng thời gian cần thiết phải tiến hành tập hợp, tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành, giá thành đơn vị. Tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, kỹ thuật sản xuất và nhu cầu thông tin giá thành, kỳ tính giá thành được xác định khác nhau. Kỳ tính giá thành có thể được chọn trùng với kỳ kế toán như tháng, quý, năm hoặc theo đơn đặt hàng.

Xác định kỳ tính giá thành giúp cho kế toán xác định rõ khoảng thời gian chi phí phát sinh, thời gian tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để thu thập, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý trong từng thời kỳ.

## **1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất**

### **1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Thông thường, chi phí sản xuất được tập hợp vào các đối tượng tập hợp chi phí theo một trong hai cách sau:

- Phương pháp trực tiếp: thường được áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực



tiếp liên quan đến nhiều loại sản phẩm, nhiều đối tượng chịu chi phí thì phải áp dụng phương pháp hạch toán gián tiếp.

- Phương pháp gián tiếp: thường được áp dụng cho chi phí sản xuất chung, do có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí khác nhau, do vậy cần tập hợp lại rồi tiến hành phân bổ theo những tiêu chuẩn hợp lý. Tiêu chuẩn phân bổ hợp lý được hiểu là tiêu chuẩn đảm bảo được mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tổng chi phí gián tiếp phải phân bổ với tổng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng.

### **1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất**

Muốn tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời thì trình tự hạch toán chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự khoa học, hợp lý. Trình tự này phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp, vào mối quan hệ giữa hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý và hạch toán...

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất trải qua 4 bước:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn trước đó.
- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phù trợ cho từng đối tượng sử dụng, trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ.
- Bước 3: Tập hợp và phân bổ các khoản chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.
- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung và cách hạch toán chi phí sản xuất có điểm khác nhau.

### **1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

Phương pháp tính giá thành là một hoặc hệ thống các phương pháp, kỹ thuật được sử dụng để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, đặc điểm sản phẩm, mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành, yêu cầu quản lý về giá thành, kế toán có thể lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp. Dưới đây là những phương pháp tính giá thành được sử dụng để tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế.

**1.7.1 Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)**

Phương pháp giản đơn được áp dụng tính giá thành sản phẩm của những quy trình công nghệ sản xuất giản đơn tức là chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cũng chính là đối tượng tính giá thành. Ví dụ như tính giá thành nước, tính giá thành điện... Công thức tính giá thành:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ} &= \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} \\ \text{Giá thành đơn vị sản phẩm} &= \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} \end{aligned}$$

**1.7.2 Phương pháp hệ số**

Phương pháp hệ số được áp dụng trong trường hợp trên cùng một quy trình công nghệ sản xuất sử dụng cùng nguồn lực kinh tế đầu vào như vật tư, lao động, máy móc thiết bị sản xuất... nhưng kết quả tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau và những sản phẩm này có kết cấu giá thành có thể quy đổi được với nhau theo hệ số. Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng nhóm sản phẩm của quy trình công nghệ sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm trong nhóm. Ví dụ tính giá thành sản phẩm của quy trình chế biến dầu mỏ, sản xuất sắt thép, sản xuất thực phẩm... Trình tự tính giá thành theo phương pháp hệ số như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành thực tế nhóm sản phẩm} &= \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ của nhóm sản phẩm} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của nhóm sản phẩm} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ của nhóm sản phẩm} \\ \text{Tổng sản phẩm chuẩn (Q}_0\text{)} &= \sum [ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ (Q}_i\text{)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm (H}_i\text{)} ] \\ \text{Hệ số quy đổi sản phẩm (H}_i\text{)} &= \frac{\text{Giá thành định mức sản phẩm (i)}}{\text{Giá thành định mức sản phẩm chuẩn}} \end{aligned}$$

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng sản phẩm chuẩn (Q}_0\text{)}}$$

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm } i = \text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm chuẩn (Z}_0\text{)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i \text{ (H}_i\text{)}$$

### 1.7.3 Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp tỷ lệ được áp dụng trong trường hợp trên cùng một quy trình công nghệ sản xuất sử dụng cùng một nguồn lực kinh tế đầu vào như vật tư, lao động, máy móc thiết bị, kết quả tạo ra một nhóm sản phẩm bao gồm nhiều loại sản phẩm có phẩm cấp, quy cách, kiểu dáng khác nhau và những loại sản phẩm này có kết cấu giá thành không thể quy đổi được với nhau. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng nhóm sản phẩm của quy trình công nghệ sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm trong nhóm. Ví dụ, tính giá thành sản phẩm giấy, dép, quần áo, sản xuất các linh kiện điện tử, thực phẩm, đồ gỗ, xây lắp... Phương pháp tỷ lệ được thực hiện như sau:

$$\text{Tổng giá thành thực tế nhóm sản phẩm} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ của nhóm sản phẩm} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của nhóm sản phẩm} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ của nhóm sản phẩm}$$

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch nhóm sản phẩm} = \sum [ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của sản phẩm } i \times \text{Giá thành kế hoạch sản phẩm } i ]$$

$$\text{Tỷ lệ tính giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch}}$$

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm} = \text{Tỷ lệ tính giá thành} \times \text{Giá thành kế hoạch sản phẩm}$$

### 1.7.4 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ áp dụng tính giá thành sản phẩm của những quy trình công nghệ sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính và vừa tạo ra sản phẩm phụ (sản phẩm song song). Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ tính toán tương tự như các phương pháp giản đơn, phương pháp hệ số, phương pháp tỷ lệ; tuy nhiên, để tính tổng giá thành của một loại sản phẩm hay một nhóm sản phẩm chính phải thực hiện loại trừ giá trị của sản phẩm phụ. Giá trị

của sản phẩm phụ được tính theo giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên vật liệu ban đầu. Tổng giá thành sản phẩm chính theo phương pháp này được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản} & \text{Giá trị ước} \\ \text{thực tế sản} & = & \text{xuất dở dang} & + \text{xuất phát sinh} & - \text{xuất dở dang} & \text{tính sản} \\ \text{phẩm chính} & & \text{đầu kỳ} & \text{trong kỳ} & \text{cuối kỳ} & \text{phẩm phụ} \end{array}$$

Sau khi tính được tổng giá thành thực tế sản phẩm chính, tùy thuộc đặc điểm, quy trình sản xuất sản phẩm chính, áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, hệ số hay tỷ lệ để xác định giá thành đơn vị từng sản phẩm chính.

### **1.7.5 Phương pháp phân bước**

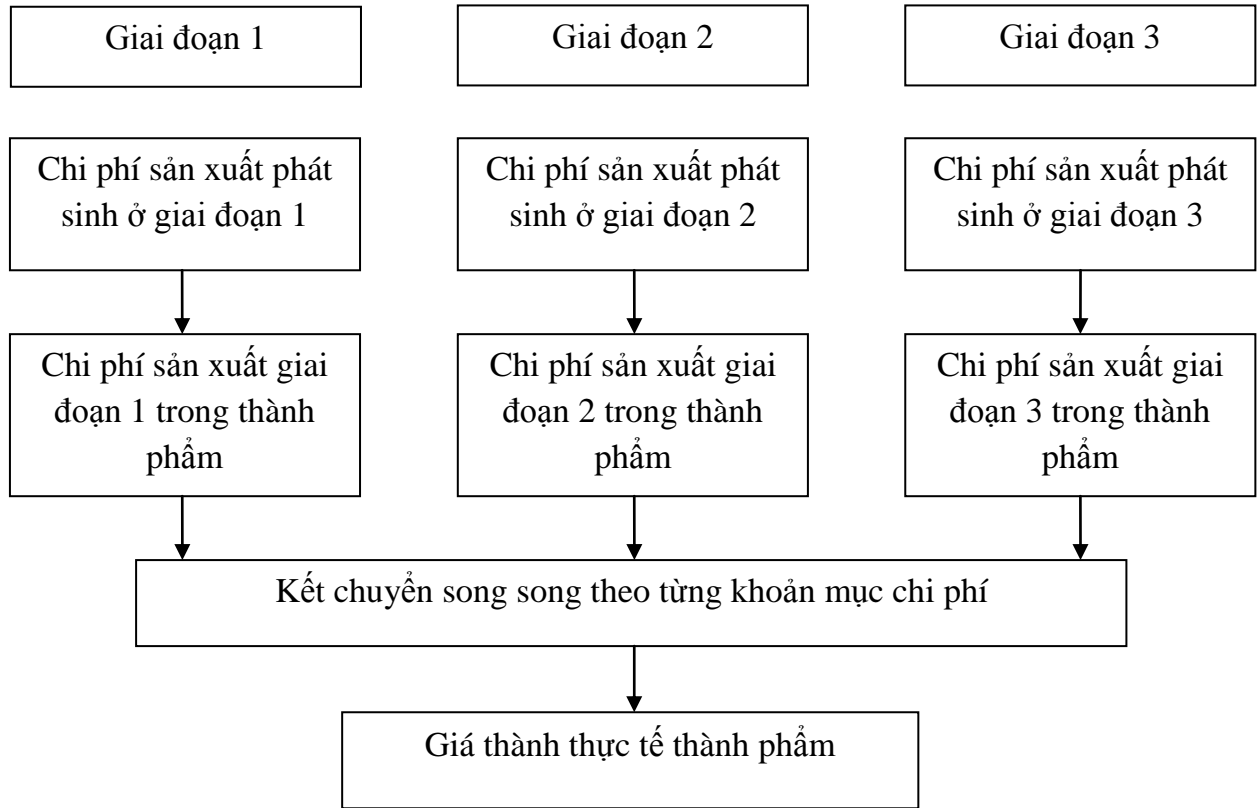
Phương pháp phân bước được áp dụng tính giá thành sản phẩm của những quy trình công nghệ sản xuất phức tạp gồm nhiều giai đoạn chế biến kế tiếp nhau. Sản phẩm của giai đoạn trước (còn gọi là bán thành phẩm) là nguyên liệu đầu vào của giai đoạn sau như tính giá thành của quy trình dệt may, quy trình chế tạo các công cụ. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn của quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoặc cả bán thành phẩm và thành phẩm tùy thuộc vào phương án tính giá thành được chọn.

#### **1.7.5.1 Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí song song)**

Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm chỉ cần tính giá thành của thành phẩm. Các chi phí sản xuất phát sinh trong từng bước được tính vào giá thành thành phẩm một cách song song nên gọi là phương án kết chuyển song song.

Quy trình tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm được khái quát qua sơ đồ như sau:

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ quy trình tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm.**

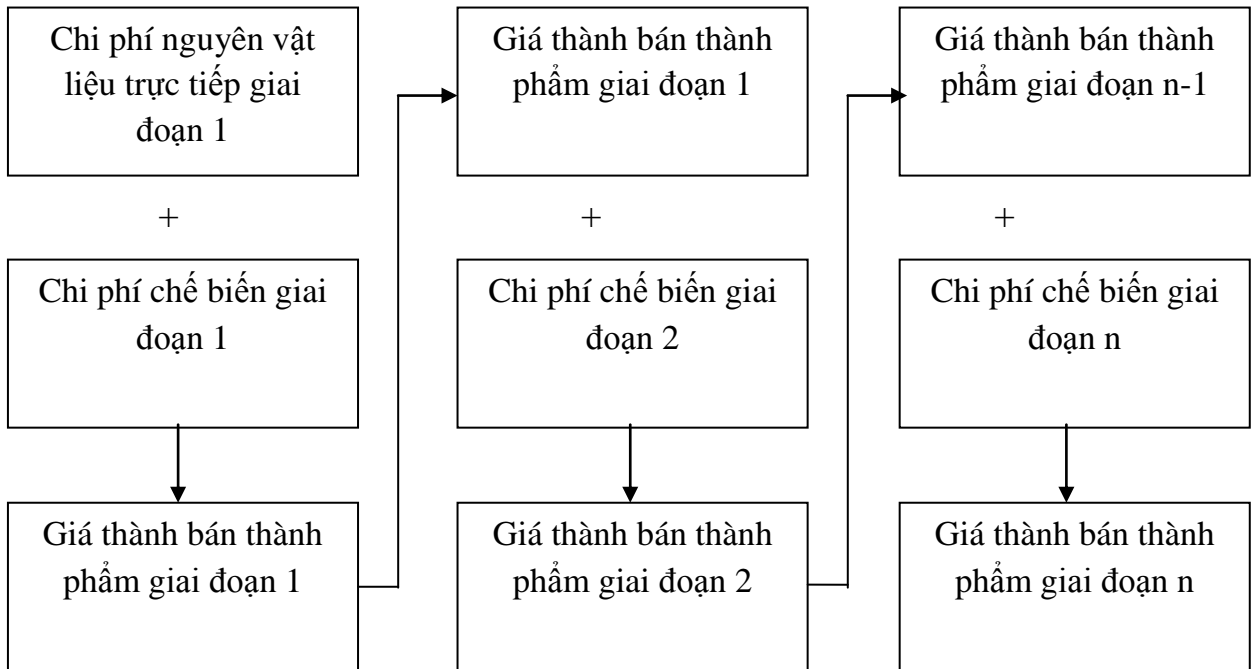


*1.7.5.2 Tính giá thành phân bước theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)*

Theo phương án này, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng bước của giai đoạn chế biến. Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các bước chế biến và thành phẩm. Giá thành bán thành phẩm của bước này được chuyển sang bước sau tính theo giá thành thực tế và được phản ánh theo từng khoản mục chi phí gọi là kết chuyển tuần tự.

Quy trình tính giá thành theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm được khái quát qua sơ đồ như sau:

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ quy trình tính giá thành theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm.**



**1.7.6 Phương pháp đơn đặt hàng**

Phương pháp đơn đặt hàng được áp dụng tính giá thành sản phẩm của các hoạt động sản xuất theo đơn đặt hàng hoặc thực hiện gia công, sản xuất theo yêu cầu của khách hàng như hoạt động xây lắp, gia công chế biến, dịch vụ... Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là thành phẩm của đơn đặt hàng. Trong kỳ, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Cuối kỳ, khi hoàn thành công việc bàn giao cho khách hàng, tiến hành tính giá thành theo từng đơn đặt hàng.

Tính giá thành theo đơn đặt hàng được khái quát như sau:

$$\begin{aligned}
 & \text{Tổng giá thành thực tế đơn đặt hàng} = \text{Tổng chi phí sản xuất thực tế tập hợp theo đơn đặt hàng} \\
 & \text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế đơn đặt hàng}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành theo đơn đặt hàng}}
 \end{aligned}$$

**1.8 Đánh giá sản phẩm dở dang**

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm thì

doanh nghiệp nhất định phải đánh giá được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Và doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

**1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Theo phương pháp này, kế toán chỉ tính vào chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí còn lại như chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được tính toàn bộ vào chi phí sản xuất của sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

Phương pháp này thường được áp dụng ở những quy trình sản xuất có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và số lượng sản phẩm dở dang biến động qua các kỳ.

**1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương:**

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải xác định được khối lượng và mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang cuối kỳ, sau đó quy đổi số sản phẩm dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành ra số sản phẩm quy đổi (hoàn thành tương đương).

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí nguyên vật liệu trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí nguyên vật liệu dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí nguyên vật liệu phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

### **1.8.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức (chi phí kế hoạch)**

Phương pháp này thực hiện tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương. Phương pháp này chỉ áp dụng khi hệ thống định mức chi phí sản xuất có độ chính xác cao.

$$\text{Giá trị sản xuất dở dang cuối kỳ} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành} \times \text{Định mức chi phí sản xuất}$$

### **1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến**

Phương pháp này thực hiện tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương, chỉ khác là chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định hoàn thành 50%.

## **1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm**

### **1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

#### **1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... được sử dụng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm. Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, lao vụ...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó.



Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

$$\text{Chi phí vật liệu phân bổ cho từng đối tượng (hoặc sản phẩm)} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng (hoặc sản phẩm)}}{\text{Tỷ lệ phân bổ}}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}}$$

Để theo dõi khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng **Tài khoản 621 “Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp”**. Tài khoản được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Kết cấu của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:** Tập hợp chi phí nguyên, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

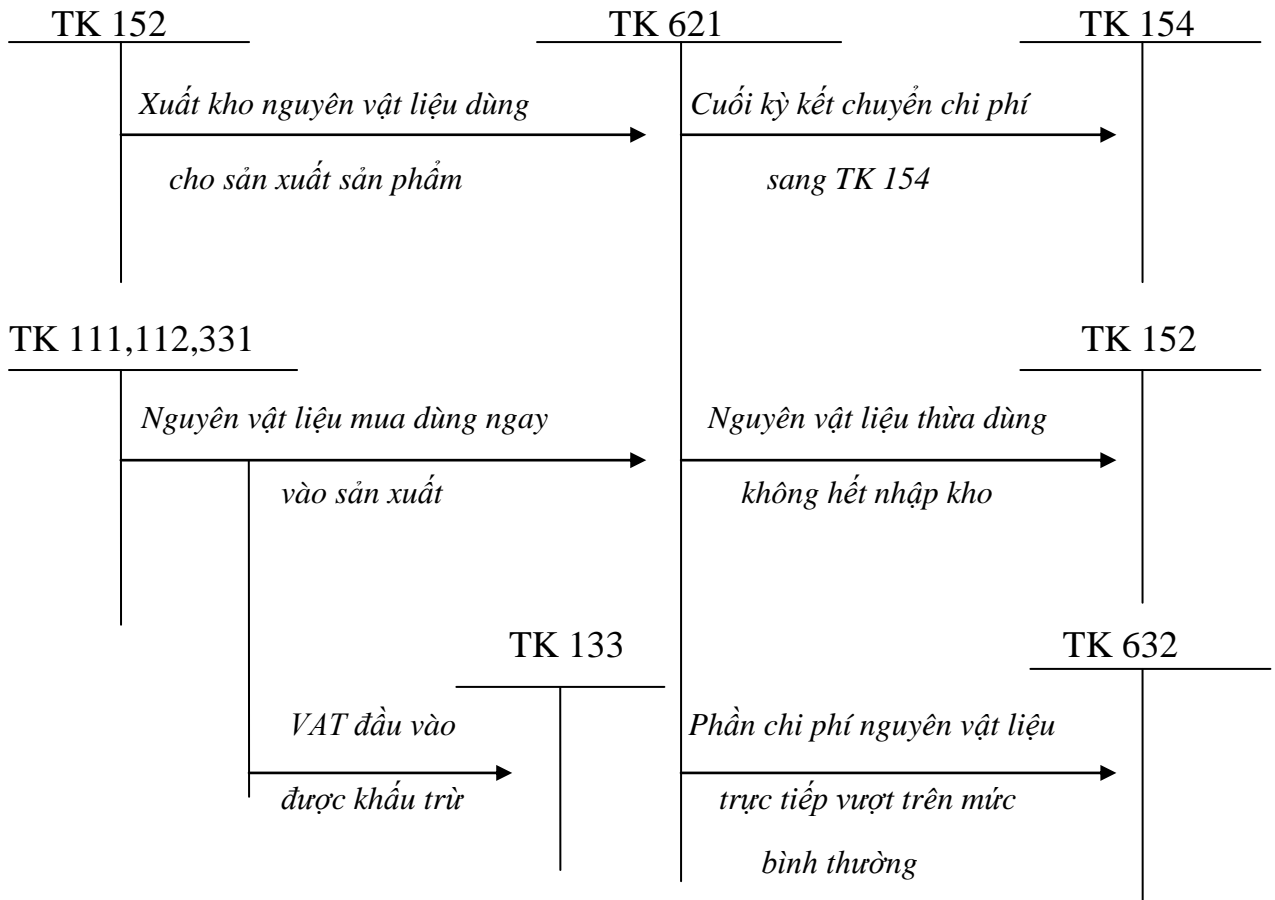
**Bên Có:**

- Giá trị vật liệu xuất dùng không hết.
- Kết chuyển chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được thể hiện qua sơ đồ kế toán sau:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



**1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương chính, lương phụ; các khoản phụ cấp, làm thêm giờ, làm đêm, tiền ăn ca; các khoản trích theo lương: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng **Tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”**. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí như tài khoản 621. Kết cấu của tài khoản này như sau:

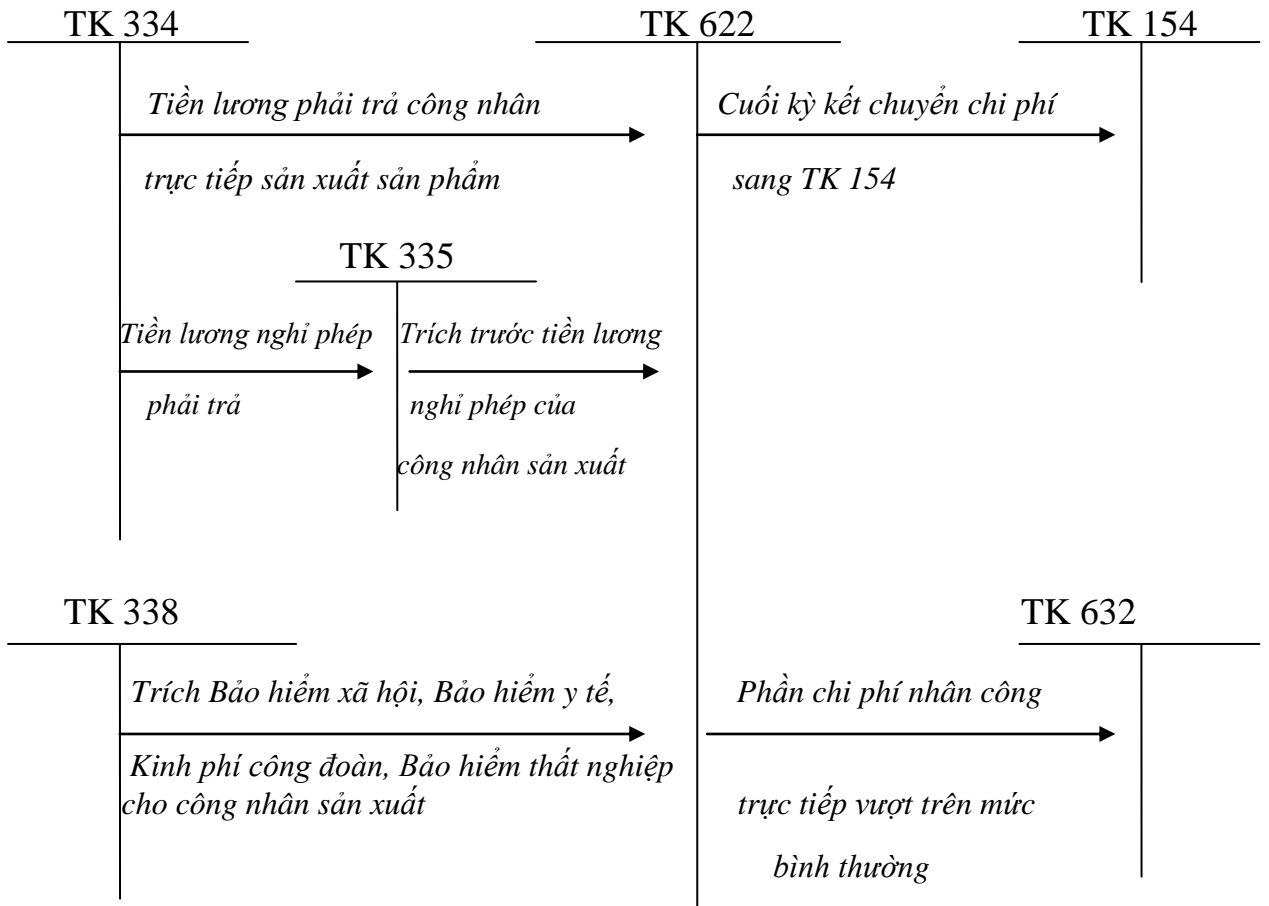
**Bên Nợ:** Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ.

**Bên Có:** Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ.

Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được thể hiện qua sơ đồ kế toán sau:

**Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp Chi phí nhân công trực tiếp**



**1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết khác để sản xuất sản phẩm ngoài chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Kế toán sử dụng **Tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”** để theo dõi các chi phí phát sinh tại các phân xưởng trong kỳ. Tài khoản được chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất. Kết cấu của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:** Tập hợp chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

**Bên Có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.
- Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Để thuận tiện trong việc tập hợp chi phí, tài khoản này được chia thành các tài khoản cấp 2 sau:

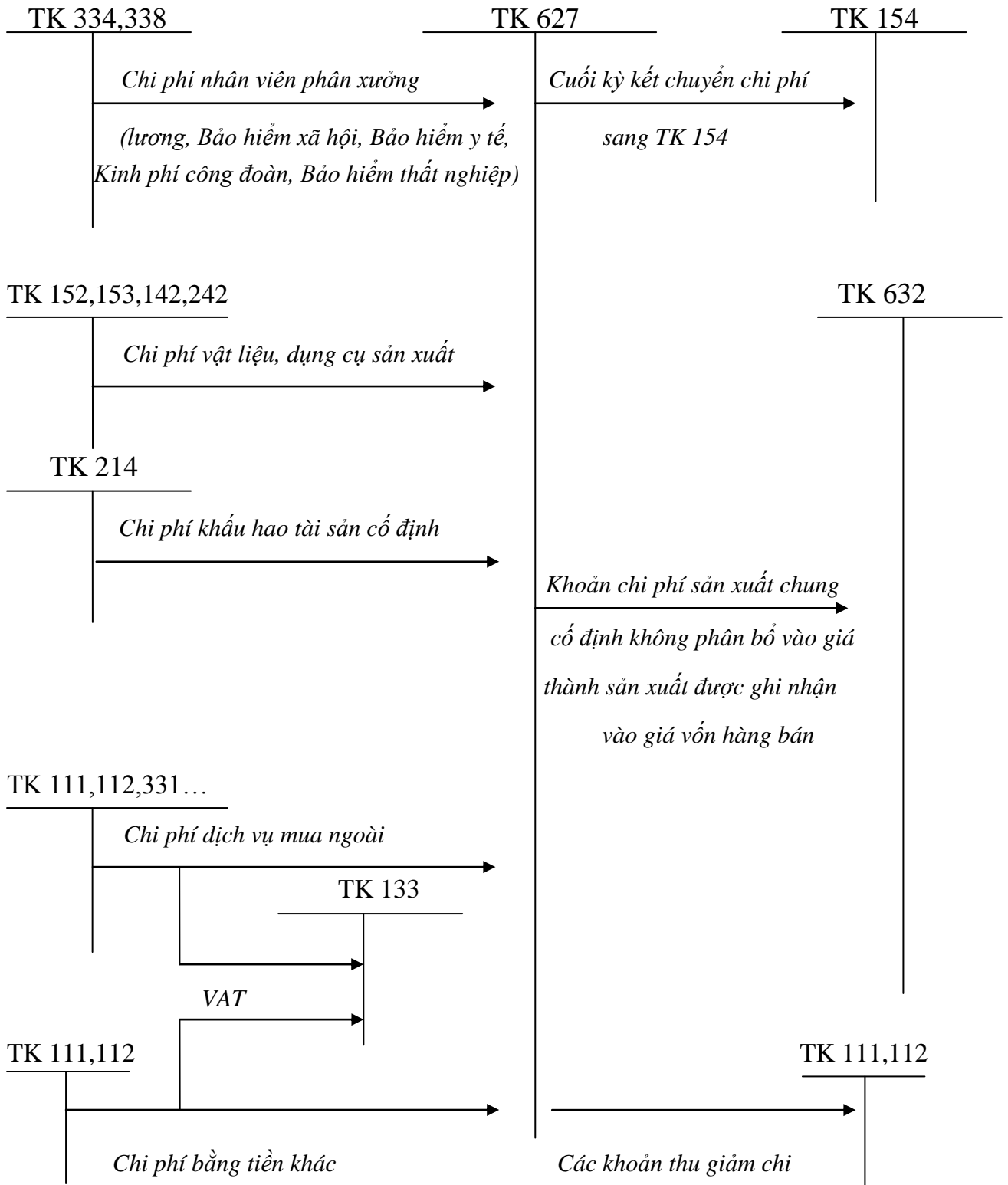
- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng.
- TK 6272: Chi phí vật liệu sử dụng tại phân xưởng.
- TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng tại phân xưởng.
- TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6278: Chi phí khác bằng tiền.

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong phân xưởng nên cần phải phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng (sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất).

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí sản xuất} \\ \text{chung phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản xuất chung} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của tất cả các đối tượng} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức} \\ \text{phân bổ của từng} \\ \text{đối tượng} \end{array}$$

Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được thể hiện qua sơ đồ kế toán sau:

**Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp Chi phí sản xuất chung**



**1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất cuối kỳ**

Để tiến hành công tác tính giá thành sản phẩm, kế toán phải tập hợp các chi phí phát sinh trên về **TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”**. Và tiến hành mở chi tiết cho từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí, từng loại sản phẩm... của các bộ phận sản xuất. Nội dung của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:**

- Kết chuyển các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.
- Giá trị vật liệu thuê ngoài chế biến.
- Chi phí thuê ngoài chế biến.

**Bên Có:**

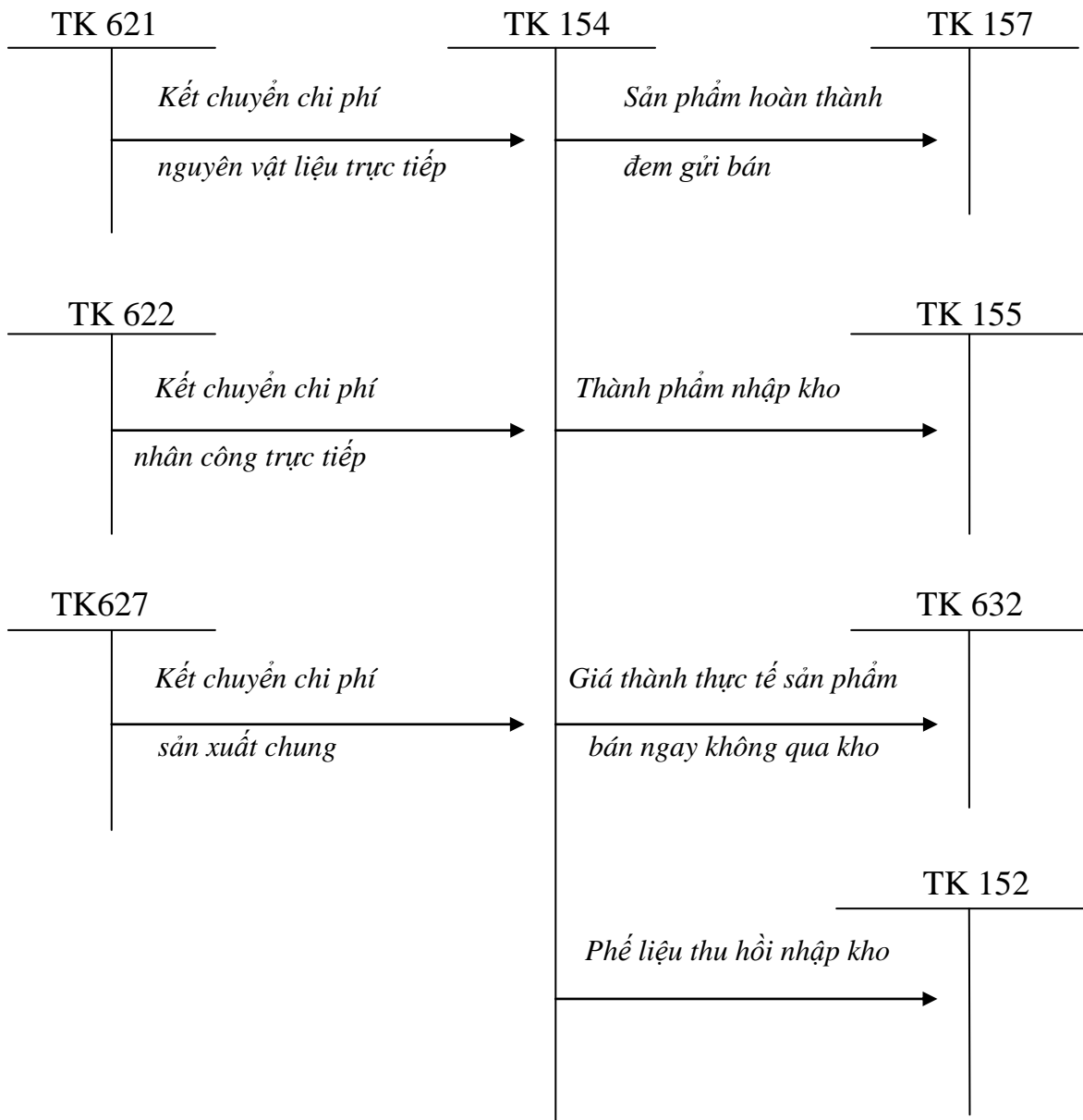
- Giá trị phế liệu thu hồi nếu có.
- Các khoản giảm chi phí sản xuất trong kỳ.
- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

**Dư Nợ:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- Chi phí thuê ngoài chế biến hoặc tự chế vật tư chưa hoàn thành.

Tổng hợp chi phí sản xuất được thể hiện khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Đối với doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp này, hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Do đó, cuối kỳ doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê tất cả các loại nguyên, vật liệu, thành phẩm trong kho và tại các phân xưởng cùng với bộ phận sản xuất dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành. Xuất phát từ đặc điểm đó, công tác hạch toán chi phí sản phẩm trong các doanh nghiệp này có những khác biệt nhất định.

- Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp: Đối với chi phí tài khoản 621 thì phương pháp hạch toán tập hợp chi phí được ghi một lần vào cuối kỳ theo định khoản:

*Nợ 621:*

*Có 611: Mua hàng.*

- Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tài khoản 622, tài khoản sử dụng và cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

- Hạch toán chi phí sản xuất chung: Toàn bộ chi phí sản xuất chung được tập hợp vào tài khoản 627, cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

- Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang: kế toán sử dụng tài khoản 631 – giá thành sản xuất, để tập hợp kết chuyển các chi phí sản xuất thực tế phát sinh vào các đối tượng chịu chi phí phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Nội dung phản ánh của tài khoản 631 như sau:

*Bên Nợ:*

- Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến chế tạo sản phẩm.

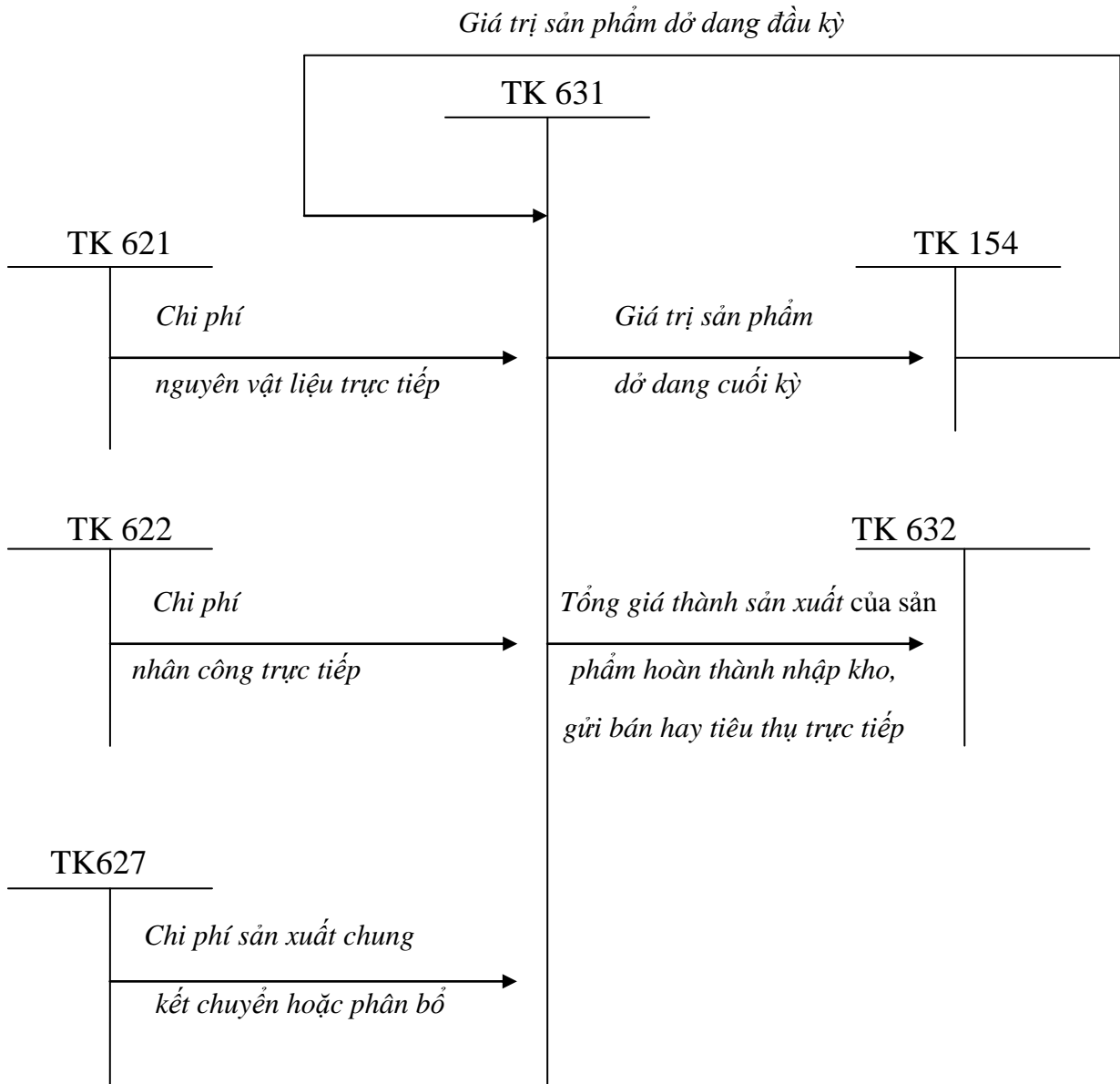
*Bên Có:*

- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.



**Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



## **1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất**

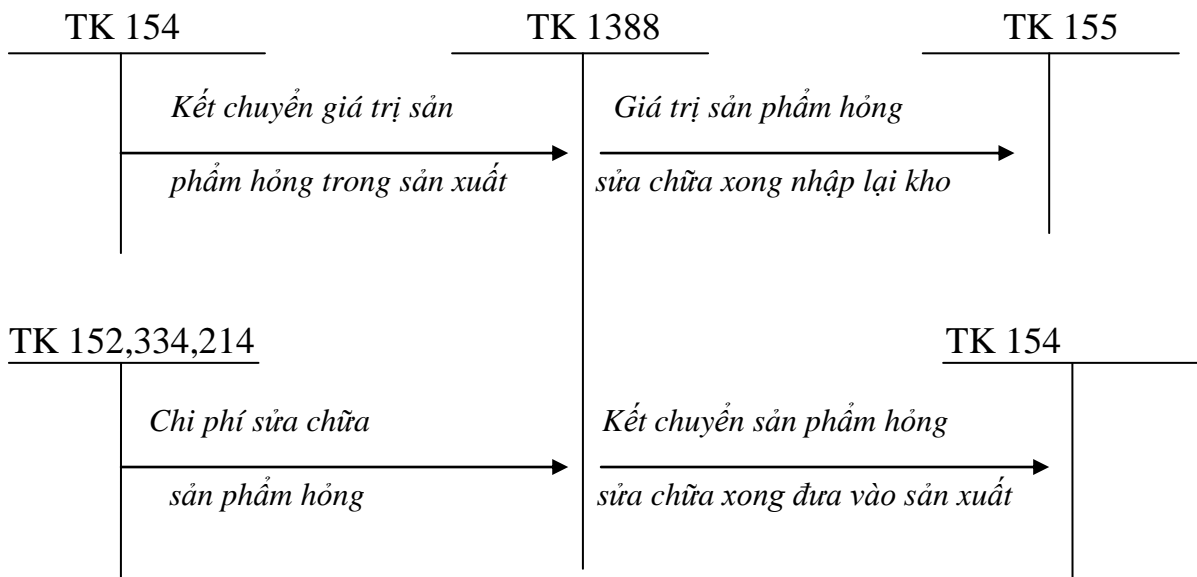
### **1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng bị sai về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã quy cách. Những sai phạm này có thể do tay nghề lao động, chất lượng vật liệu, tình trạng kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên...

Sản phẩm hỏng gây ra những tổn thất nhất định đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nếu không có biện pháp kiểm soát để sản phẩm hỏng đưa ra thị trường thì sẽ gây ra tổn thất lớn lao cho doanh nghiệp, liên quan đến uy tín sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên sản phẩm hỏng cũng được phân biệt làm hai trường hợp: sản phẩm hỏng trong định mức cho phép và sản phẩm hỏng ngoài định mức.

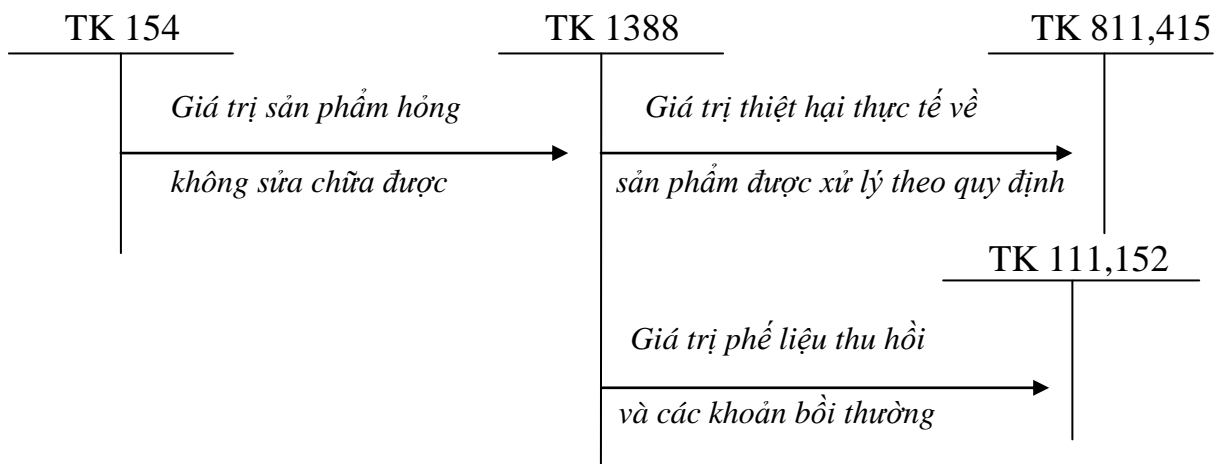
**1.10.1.1 Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được**

**Sơ đồ 1.8: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được**



**1.10.1.2 Đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được**

**Sơ đồ 1.9: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được**



### **1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất**

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể có những trường hợp phải ngừng sản xuất do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra: thiết bị sản xuất bị hỏng, thiếu nguyên vật liệu...

Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn có các chi phí phát sinh: duy trì các hoạt động của bộ máy quản lý, đảm bảo đời sống cho người lao động... Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính vào giá thành sản xuất mà đó là chi phí thời kỳ phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

- Trường hợp ngừng sản xuất trong kế hoạch: doanh nghiệp đã lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất. Kế toán căn cứ vào dự toán để trích trước tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 622, 627

Có TK 335

Khi phát sinh chi phí thực tế sẽ ghi:

Nợ TK 335

Có TK 334, 338, 152, 153...

Cuối niên độ phải điều chỉnh số trích trước theo số thực tế phát sinh:

- Nếu số trích trước > số thực tế thì khoản chênh lệch sẽ ghi:

Nợ TK 335

Có TK 622, 627

- Nếu số trích trước < số thực tế thì khoản chênh lệch được tính vào chi phí:

Nợ TK 622, 627

Có TK 335

- Trường hợp ngừng sản xuất ngoài kế hoạch:

- Các khoản chi phí phát sinh sẽ ghi:

Nợ TK 811

Có TK 334, 338, 152, 153...

- Các khoản thu do bồi thường thiệt hại sẽ ghi:

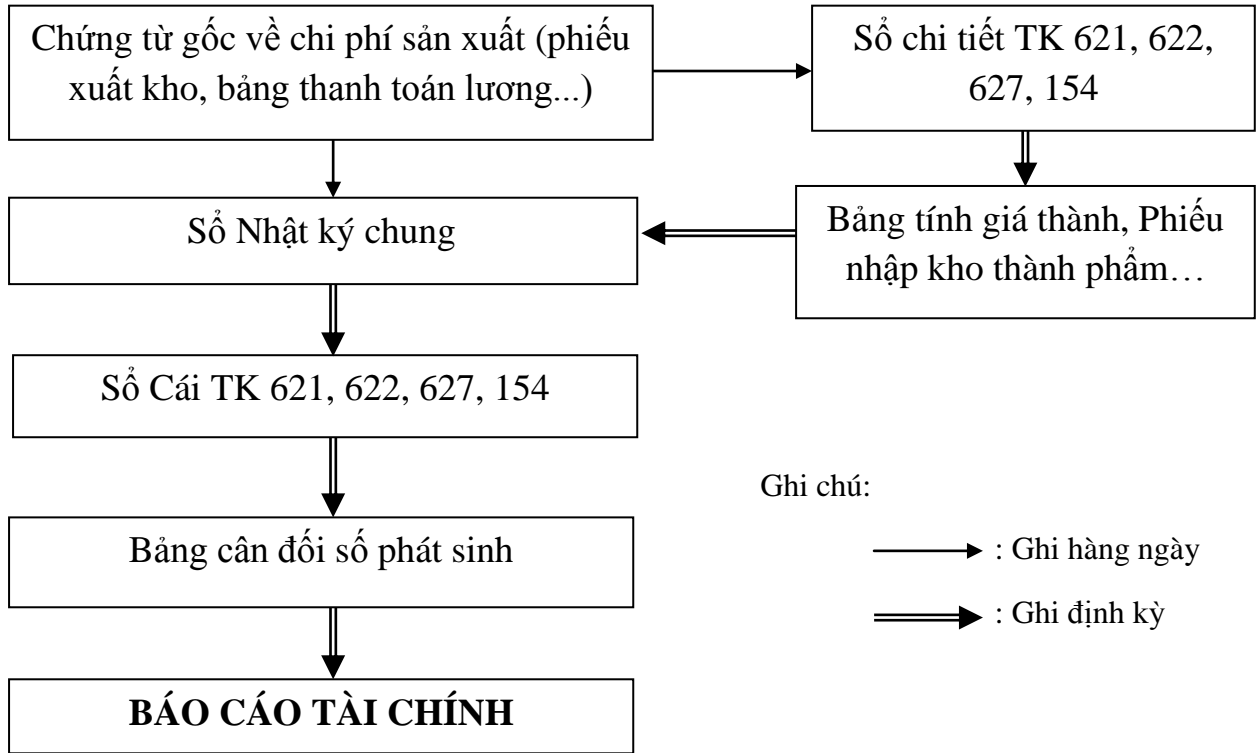
Nợ TK 111, 112, 1388

Có TK 711

### 1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

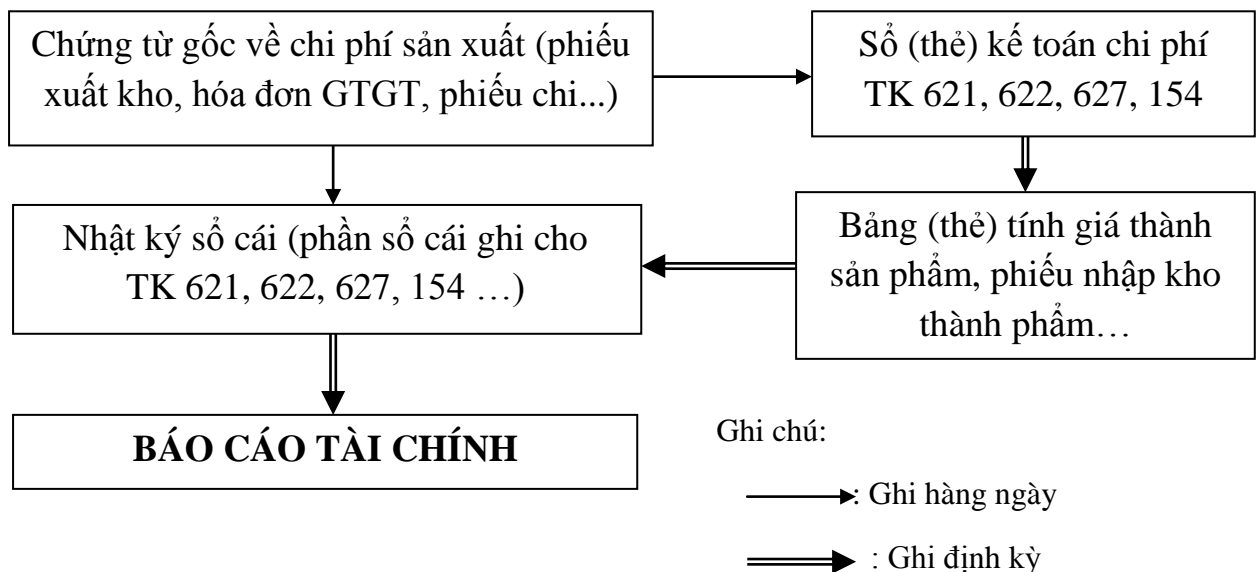
#### 1.11.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung



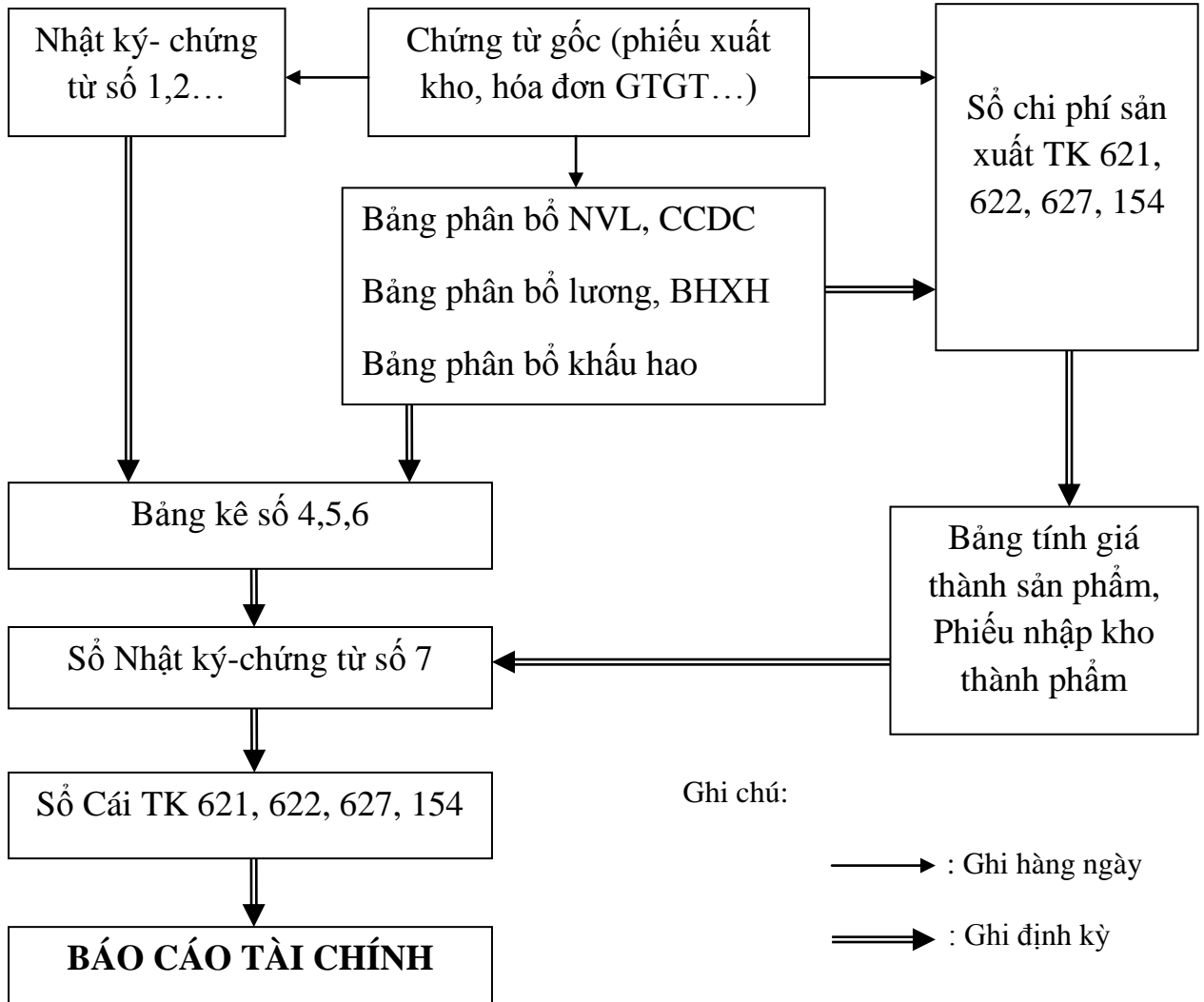
#### 1.11.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái



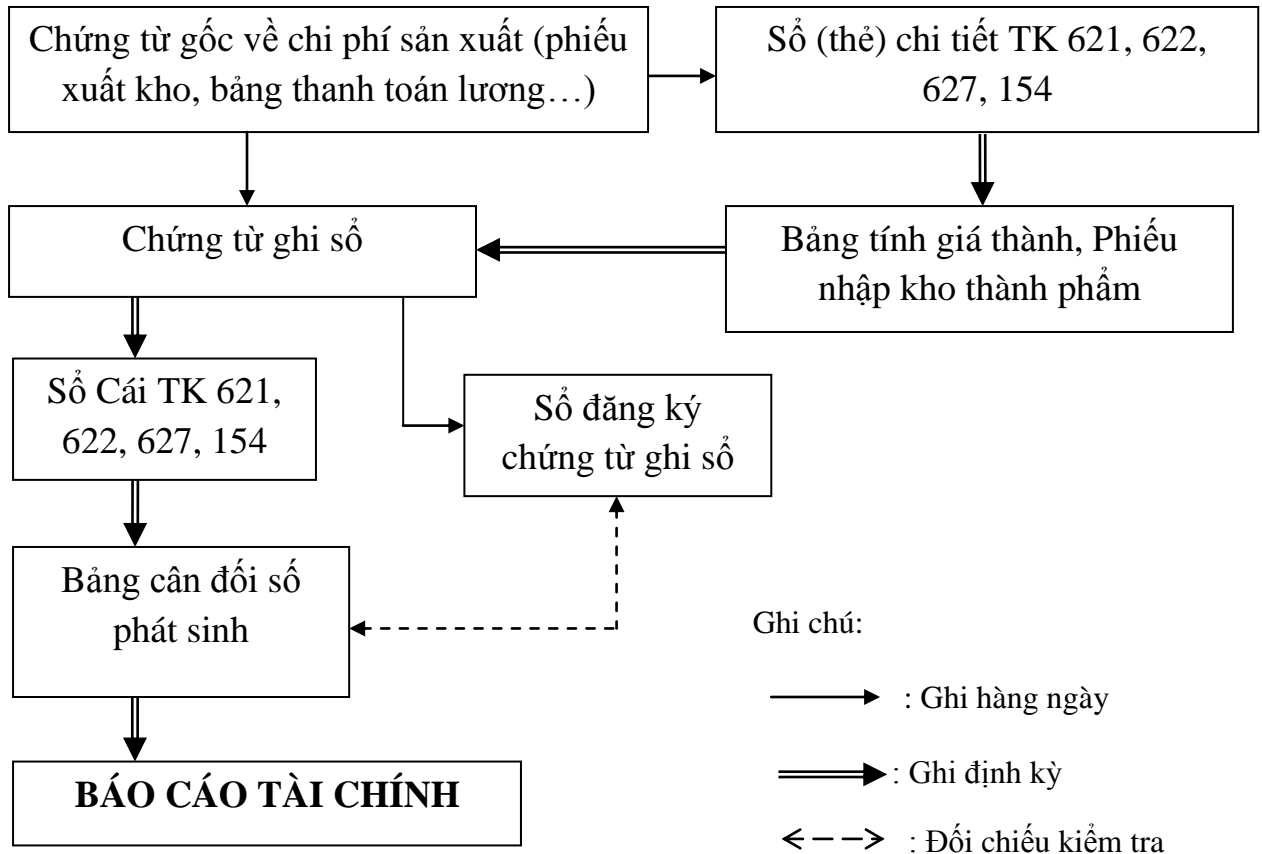
1.11.3 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – Chứng từ



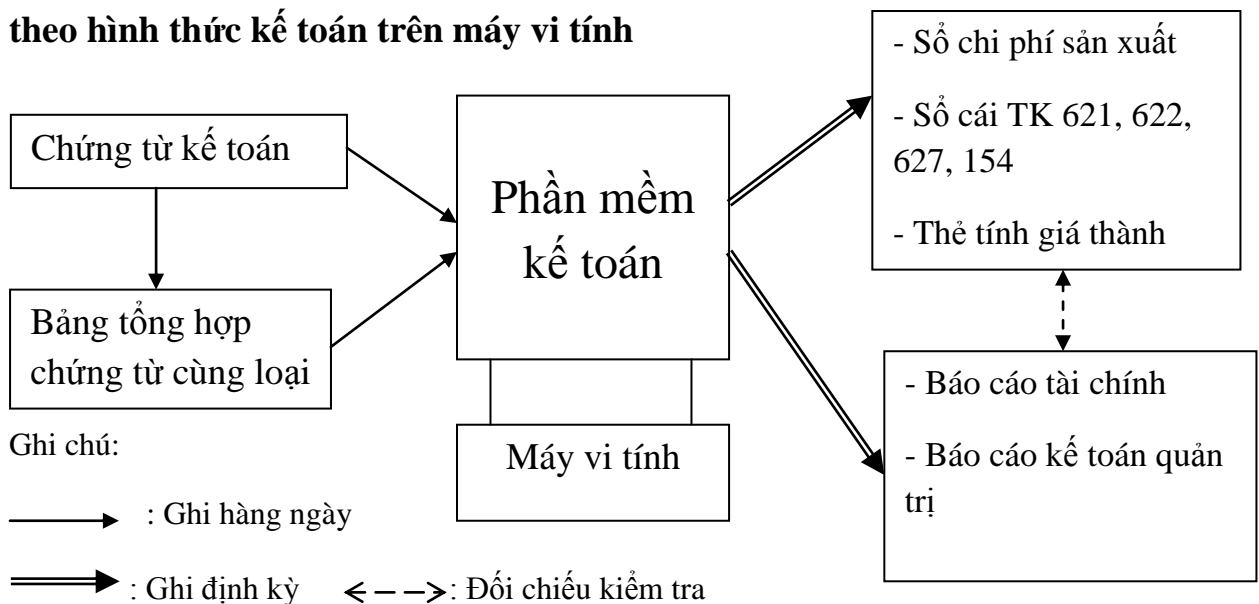
**1.11.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



**1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính**

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5

#### 2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

##### 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Lisemco 5

Công ty Cổ phần Lisemco 5 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201040073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 10/02/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/04/2012.

Vốn điều lệ công ty là: 35.000.000.000 đồng. Phát hành lần đầu 3.500.000 cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là: 9.722.378.888 đồng. Cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty Cổ phần Lisemco, Công ty Cổ phần Lisemco 2, Công ty Cổ phần Tôn mạ màu Việt Pháp và cổ đông khác.

Ngành nghề kinh doanh: Gia công kết cấu thép, sản xuất chế tạo nắp hầm hàng, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, bình bể, đường ống chịu áp lực, hệ thống điện lạnh, điện thông tin, đóng mới và sửa chữa các loại sà lan, tàu sông, tàu biển, thi công lắp đặt thiết bị công nghệ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường thủy, đường bộ), thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, kinh doanh thép tấm...

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần LISEMCO 5.
- Tên tiếng anh: LISEMCO 5 JOINT STOCK COMPANY .
- Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng.
- Điện thoại: (031)3850500. Fax: (031)3522556.
- Tài khoản ngân hàng: 0751007506886. Mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình chi nhánh Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0201040073.

Công ty Cổ phần Lisemco 5 là 1 trong 4 cơ sở chế tạo trực thuộc Công ty Cổ phần Lisemco, trong đó Lisemco đóng góp 51% vốn điều lệ. Lisemco là thành viên thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – LILAMA, có lịch sử tồn tại và phát triển gần 50 năm. Kế thừa và phát huy dây chuyền sản xuất và công nghệ hiện đại trong lĩnh vực đóng tàu, gia công chế tạo kết cấu thép và sản xuất

nắp hầm hàng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – LILAMA nói chung, của Lisemco nói riêng, Lisemco 5 ra đời với công suất 10.000 tấn/năm diện tích nhà xưởng 26.890m<sup>2</sup> hoạt động với khoảng 500 cán bộ công nhân viên.

Thành tích đạt được trong giai đoạn 2012-2014 như sau:

**Biểu 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.761.601.083	125.506.374.217	105.161.158.006
2	+ Giá vốn hàng bán	13.064.784.551	10.482.566.880	9.352.870.070
	+ Giá vốn công trình	172.194.840.940	107.287.851.900	83.000.655.563
3	Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.430.668.403	(2.632.106.011)	738.478.320
4	Tổng tài sản	142.559.392.721	151.577.902.724	132.094.505.457

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty cổ phần Lisemco 5)*

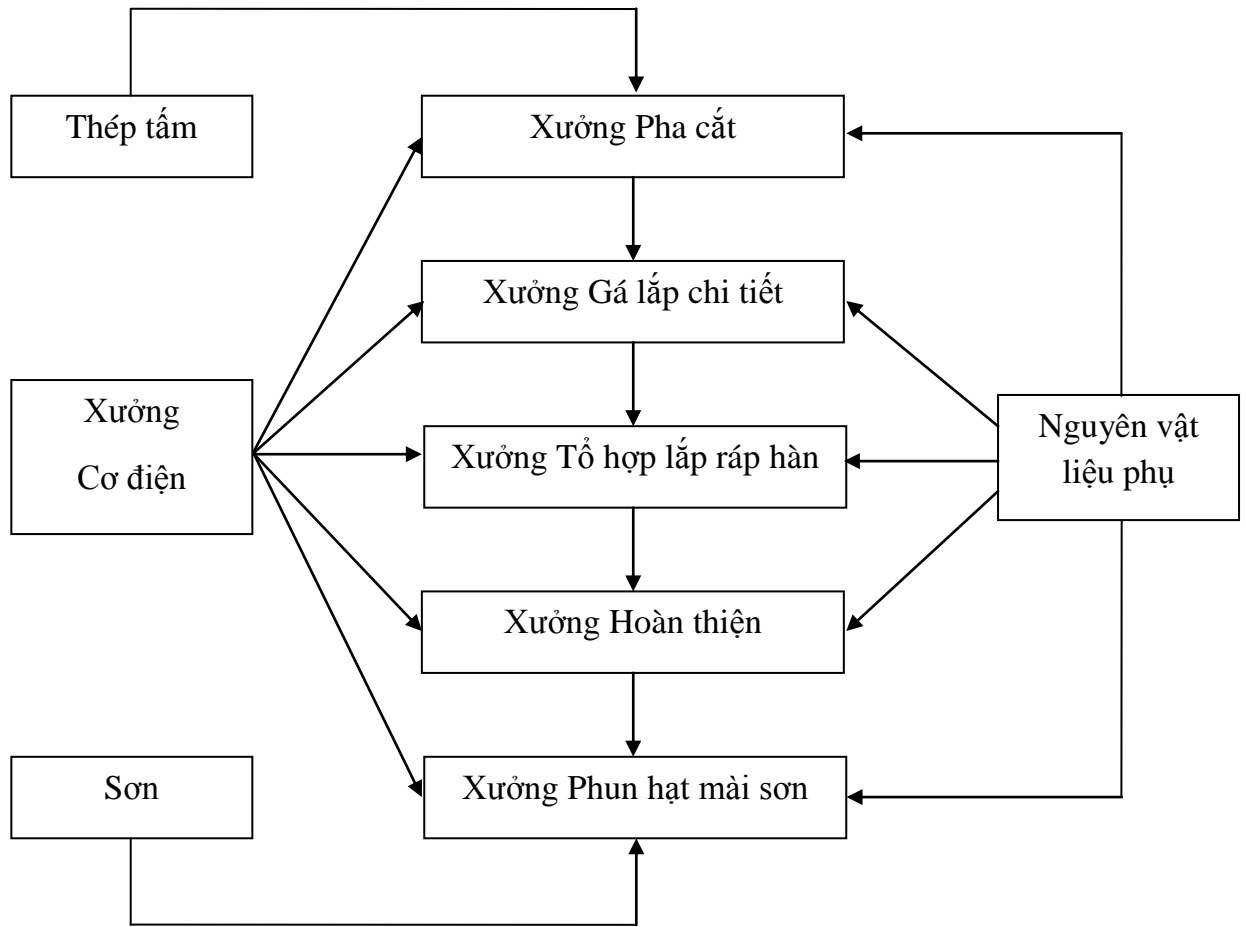
### **2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Nắp hầm hàng là sản phẩm đặc trưng của Công ty Cổ phần Lisemco 5, được chuyển giao công nghệ từ Tập đoàn MacGREGOR (Phần Lan), gồm có 03 chủng loại chính: Kiểu nhắc rời, kiểu gấp và kiểu cuốn. Sử dụng toàn bộ là thép tấm chất lượng cao nhập khẩu của Trung Quốc. Hệ thống thiết bị phun bắn bi làm sạch và sơn của Hàn Quốc có thể sơn trong mọi điều kiện thời tiết.

Quy trình công nghệ sản xuất nắp hầm hàng phải trải qua 5 khâu tương ứng với 5 phân xưởng là xưởng Pha cắt, Gá lắp chi tiết, Tổ hợp lắp ráp hàn, Hoàn thiện, Phun hạt mài sơn.



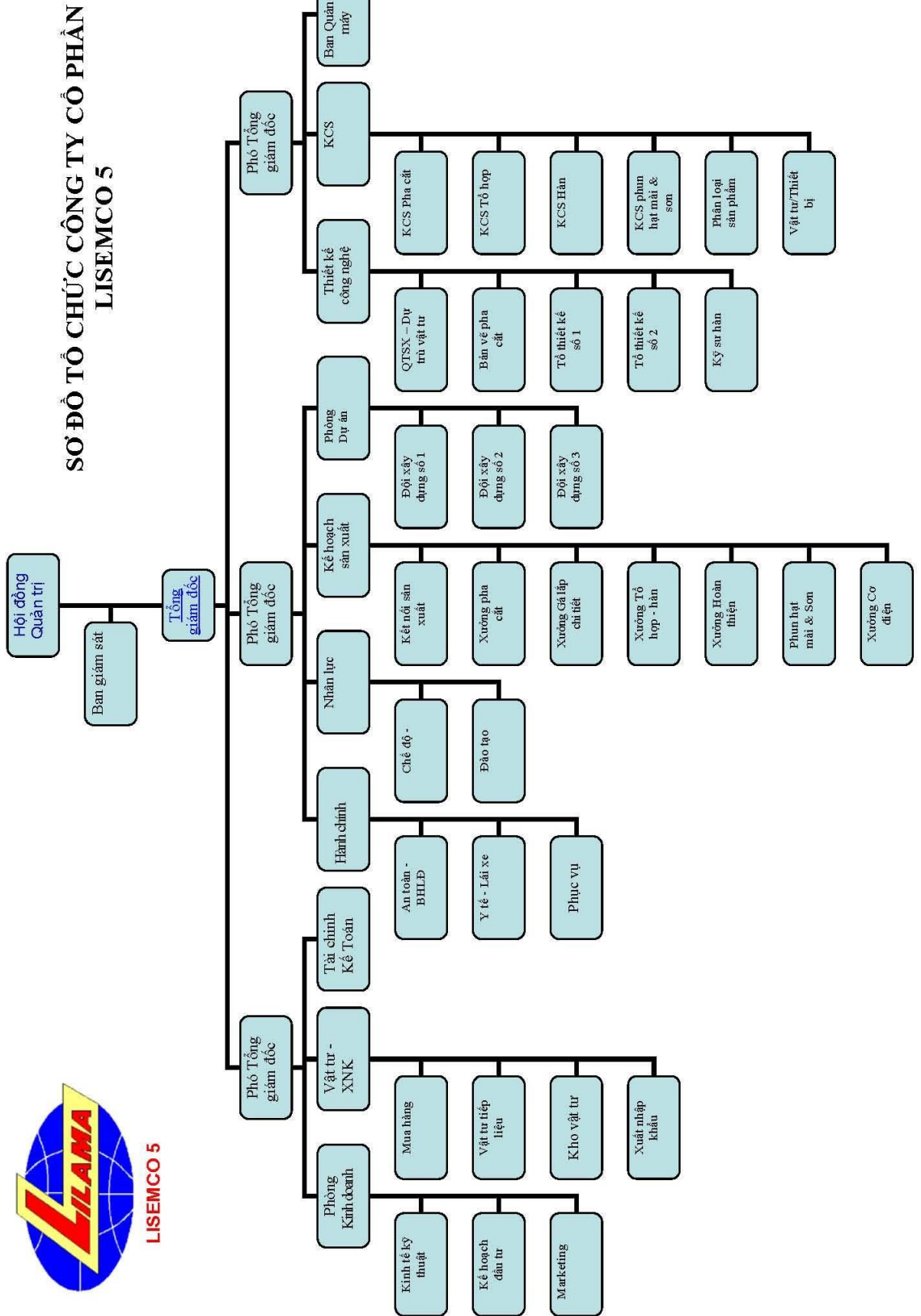
**Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**



*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty cổ phần Lisemco 5)*

### **2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**



(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Chức năng các phòng ban trong cơ cấu tổ chức của công ty:

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty trước pháp luật để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Ban giám sát: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc: Là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phó Tổng Giám đốc: Có 3 Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc quản lý công ty, điều hành và giải quyết các vấn đề ở các phòng trực thuộc quản lý.

- Phòng Kinh doanh: Chủ động tìm kiếm đối tác, tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh. Giao dịch và đàm phán với khách hàng.

- Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu: Tìm kiếm nguồn vật tư phục vụ sản xuất với giá cả và chi phí hợp lý nhất. Ký kết hợp đồng và đàm phán với nhà cung cấp.

- Phòng Tài chính - Kế toán: Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh để phản ánh chính xác sự biến động của các chỉ tiêu tài chính. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo đúng quy định.

- Phòng Hành chính: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Phòng Nhân lực: Đào tạo và quản lý nhân lực.

- Phòng Kế hoạch sản xuất: Lập kế hoạch sản xuất, tính toán khối lượng vật tư sử dụng, số lượng nhân công tham gia sản xuất.

- Phòng Dự án: Quản lý tiến độ làm việc của các đội xây dựng.

- Phòng Thiết kế công nghệ: Quản trị quy trình kỹ thuật công nghệ tại công ty, thiết kế các bản vẽ phục vụ cho quá trình sản xuất và thi công xây dựng.

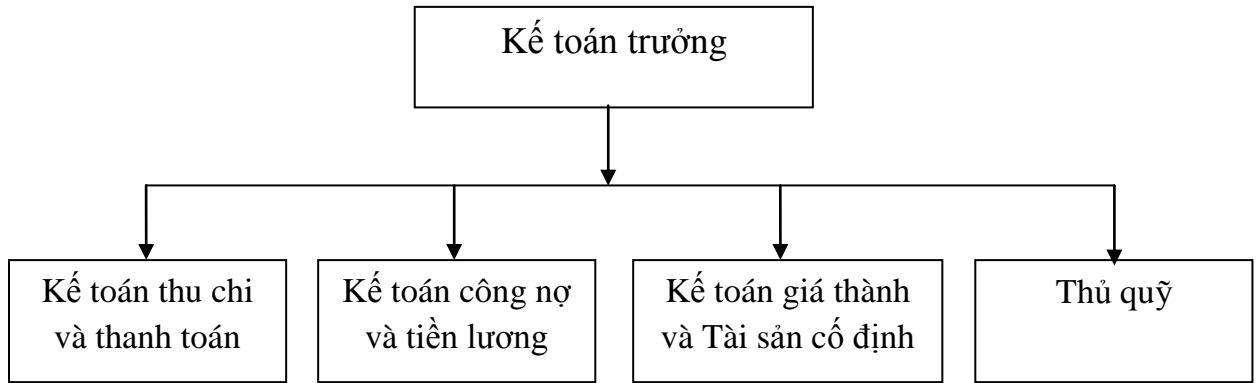
- Phòng KCS: Kiểm định chất lượng vật tư, giám sát quy trình sản xuất.

- Ban quản lý máy: Quản lý, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

##### **2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**



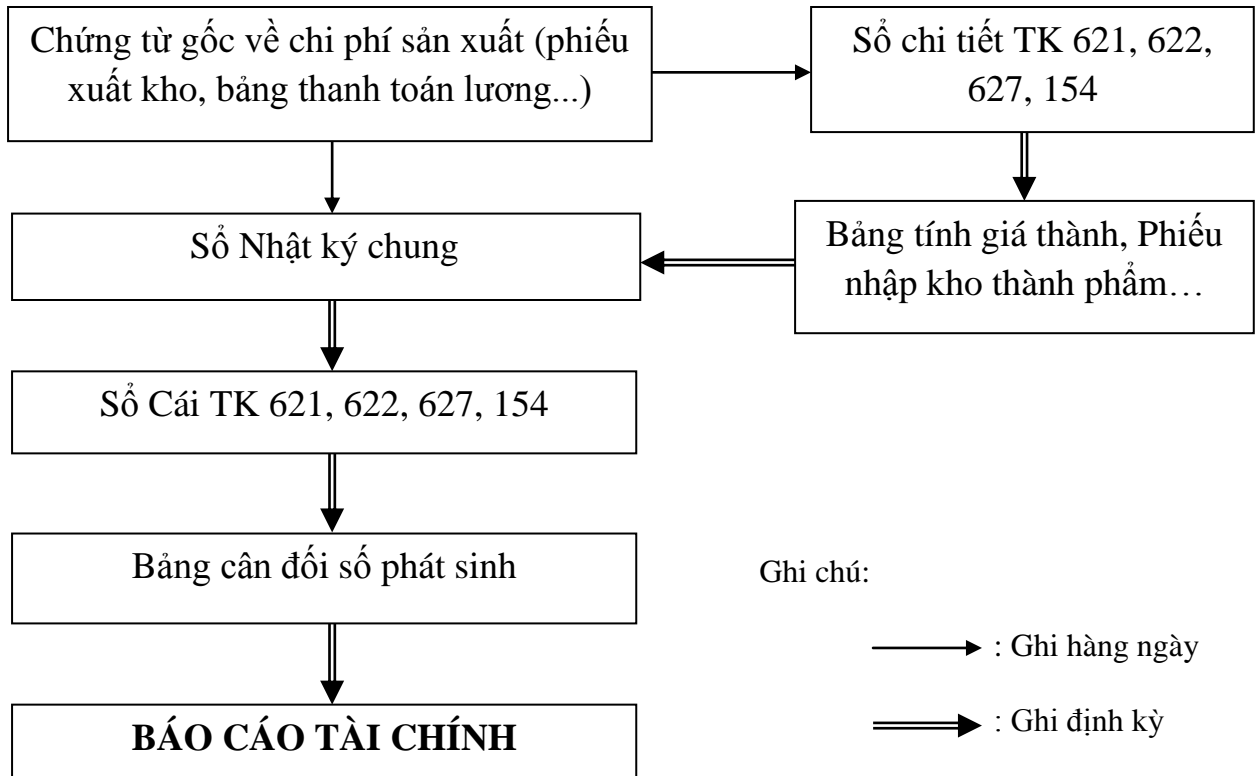
- Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức công tác kế toán, tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính, Báo cáo Thuế... tham vấn cho Tổng Giám đốc về tình hình tài chính của công ty để đưa ra các quyết định hợp lý, kịp thời.
- Kế toán thu chi và thanh toán: Theo dõi tình hình thu chi tại quỹ tiền mặt và quỹ tại ngân hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và trả lãi ngân hàng.
- Kế toán công nợ và tiền lương: Thu thập chứng từ liên quan đến công nợ, đơn đốc thu hồi nợ phải thu, tính toán lương, thưởng, bảo hiểm theo chế độ.
- Kế toán giá thành và Tài sản cố định: Tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm, theo dõi tình hình tăng giảm Tài sản cố định của công ty.
- Thủ quỹ: Quản lý quỹ, ghi chép các khoản thu chi tiền mặt.

##### **2.1.4.2 Chính sách kế toán chủ yếu áp dụng tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

- Khấu hao Tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**



**2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

**2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất**

Công ty Cổ phần Lisemco 5 phân loại chi phí sản xuất Nắp hầm hàng theo 3 khoản mục như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm nguyên vật liệu chính sử dụng cho quá trình sản xuất. Trong đó: Thép tấm được nhập khẩu từ Công ty Sino Channel Asia Limited, Sơn Jotun sử dụng trong công nghiệp được mua tại Công ty Cổ phần dịch vụ và cơ khí hàng hải METACO.
- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm các khoản tiền lương, tiền trợ cấp công ty dành cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Chi phí sản xuất chung: Được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm chi phí lương của nhân viên quản lý tại phân xưởng, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là tài sản thuê hoạt động), chi phí bằng tiền khác.

### **2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

#### **2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được Công ty Cổ phần Lisemco 5 xác định là từng đơn đặt hàng cụ thể.

#### **2.2.2.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Việc xác định đối tượng tính giá thành có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác kế toán tính giá thành sản phẩm. Để xác định đúng đối tượng tính giá thành, kế toán căn cứ vào đặc điểm sản xuất của công ty cũng như tính chất của sản phẩm mà công ty sản xuất. Nắp hầm hàng là sản phẩm công ty sản xuất theo các đơn đặt hàng, thời gian sản xuất khá dài trung bình là khoảng 1-3 năm để một sản phẩm hoàn thiện. Công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là thành phẩm của đơn đặt hàng.

### **2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm**

#### **2.2.3.1 Kỳ tính giá thành**

Căn cứ vào đặc điểm của sản phẩm Nắp hầm hàng là sản xuất theo đơn đặt hàng, công ty đã thực hiện xác định kỳ tính giá thành là theo tháng.

#### **2.2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu quản lý sản xuất và giá thành... công ty đã lựa chọn tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.

**Tổng giá thành thực tế**

**Tổng chi phí sản xuất thực tế tập hợp theo**

**đơn đặt hàng**

**=**

**đơn đặt hàng**

Khi tập hợp chi phí sản xuất thực tế theo đơn đặt hàng: chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào từng đơn đặt hàng cụ thể, riêng chi phí Nhân công trực tiếp và chi phí Sản xuất chung do có liên quan đến nhiều

đơn đặt hàng khác nhau cho nên cuối tháng sẽ tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp.

#### **2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Để mô tả cho dòng chảy của dữ liệu kế toán, bài viết tập trung chủ yếu vào việc thu thập, mô tả dữ liệu về chi phí sản xuất và tính giá thành cho sản phẩm Nắp hầm hàng AH025 vào tháng 09 năm 2014 theo hợp đồng đã ký giữa Công ty Cổ phần Lisemco 5 và Công ty CARGOTEC FINLAND OY làm ví dụ minh họa.

##### **2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho, bảng kê xuất, hóa đơn GTGT...
- **Tài khoản sử dụng:** Công ty sử dụng tài khoản 621 – Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, được chi tiết cho từng sản phẩm mà công ty sản xuất.
- **Sổ sách sử dụng:** Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621.
- **Nội dung hạch toán chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp:**

Phòng Kế hoạch sản xuất dự toán khối lượng nguyên vật liệu cần sử dụng và kết hợp với phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu lập kế hoạch thu mua. Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu ký kết hợp đồng và đàm phán với hai nhà cung cấp chủ yếu là Công ty Sino Channel Asia Limited và Công ty Cổ phần dịch vụ và cơ khí hàng hải METACO. Nhân viên tại phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu sẽ mua vật tư, lập giấy Đề nghị thanh toán gửi cho phòng Tài chính-Kế toán để tiến hành thanh toán cho nhà cung cấp và lấy hóa đơn GTGT.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, các xưởng lập Đề nghị xuất vật tư gửi phòng Kế hoạch sản xuất, phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu. Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu sẽ lập phiếu Xuất kho. Phiếu Xuất kho được lập thành 2 liên: 1 liên lưu gốc ở nơi lập phiếu để thủ kho vào thẻ kho, 1 liên chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

**Ví dụ 1:** Ngày 04/09/2014, căn cứ vào kế hoạch sản xuất, xưởng Pha cắt lập Phiếu yêu cầu vật tư để yêu cầu xuất kho vật liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất (**Biểu 2.2**).

**Biểu 2.2: Phiếu yêu cầu vật tư**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ**

Đơn vị yêu cầu: Xưởng Pha cắt

Mục đích sử dụng: chế tạo Nắp hầm hàng AH025

STT	Mã hàng hóa	Tên, nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng		
				Dự toán	Yêu cầu	Duyệt
1	PLN.0100	Thép L100x75x10(NK/A)	KG	800	800	800
2	PLN.0200	Thép L200x90x9(NK/A)	KG	450	450	450
3	PLN.0125	Thép L125x75x7(NK/A)	KG	500	500	500
4	PLN.015	Thép tấm 15mm (KA)	KG	1.200	1.200	1.200
5	PLN.016	Thép tấm 16mm (KA)	KG	680	680	680
6	PLN.019	Thép tấm 19mm (KA)	KG	230	230	230
<b>Tổng cộng có 6 loại vật tư yêu cầu.</b>						

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Người lập phiếu    Phòng Kế hoạch sản xuất    Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu    Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)



## *Khóa luận tốt nghiệp*

Ngày 04/09/2014, căn cứ vào Phiếu yêu cầu vật tư của Xưởng Pha cắt, phòng Vật tư – Xuất Nhập Khẩu viết Phiếu Xuất kho (**Biểu 2.3**).

### **Biểu 2.3: Phiếu Xuất kho**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**Mẫu số: 02- VT**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ: 621

Ngày 04/09/2014

Có: 152

Số phiếu: PX03/T09

Người nhận: Xưởng Pha cắt.

Nội dung: Xuất vật tư chính sản xuất Nắp hầm hàng AH025.

Xuất tại kho: Kho công ty.

STT	Mã HH	Tên, nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng	Hạng mục	Đơn giá	Tiền
A	B	C	D	1	2	3	4=1x3
1	PLN.0100	Thép tấm L100x75x10(NK/A)	KG	800	NHH- AH025		
2	PLN.0200	Thép tấm L200x90x9(NK/A)	KG	450	NHH- AH025		
3	PLN.0125	Thép tấm L125x75x7(NK/A)	KG	500	NHH- AH025		
4	PLN.015	Thép tấm 15mm (KA)	KG	1.200	NHH- AH025		
5	PLN.016	Thép tấm 16mm (KA)	KG	680	NHH- AH025		
6	PLN.019	Thép tấm 19mm (KA)	KG	230	NHH- AH025		
<b>Cộng</b>							

*Ngày 04 tháng 09 năm 2014*

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Để theo dõi tình hình xuất nguyên vật liệu trong kỳ, kế toán lập Bảng kê xuất kho (**Biểu 2.4**).

**Biểu 2.4: Bảng kê xuất Thép tấm L100x75x10(NK/A)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**TRÍCH BẢNG KÊ XUẤT VẬT TƯ**

Số: BKX01/T09

Sản phẩm: Nắp hầm hàng AH025

Nguyên vật liệu: Thép tấm L100x75x10(NK/A)

Số phiếu xuất	Ngày xuất	Diễn giải	Số lượng (kg)
PX03/T09	04/09	Xuất kho thép tấm cho xưởng Pha cắt	800
		Cộng	800
		Đơn giá	19.820,32
		Trị giá xuất tháng	15.856.256

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Cuối tháng, căn cứ Sổ chi tiết Vật liệu (**Biểu 2.5**), kế toán xác định đơn giá xuất nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng như sau:

Tính giá xuất kho cho nguyên vật liệu: Thép L100x75x10(NK/A) tháng 09/2014.

Tồn đầu kỳ: Số lượng: 100 kg                      Trị giá: 1.978.000 đồng

Nhập trong kỳ: Số lượng: 2.400 kg                      Trị giá: 47.572.800 đồng

$$\text{Đơn giá bình quân xuất dùng} = \frac{1.978.000 + 47.572.800}{100 + 2.400} = \mathbf{19.820,32 \text{ đồng}}$$

$$\text{Trị giá xuất dùng trong kỳ} = 800 \times 19.820,32 = \mathbf{15.856.256 \text{ đồng}}$$

## *Khóa luận tốt nghiệp*

Căn cứ Bảng kê xuất số BKK01/T09 (Biểu 2.4), kế toán ghi Sổ chi tiết Vật liệu (Biểu 2.5).

### **Biểu 2.5: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**Mẫu số: S10 – DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

**TK: 152 – Nguyên vật liệu**

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ hàng hóa: **Thép tấm L100x75x10(NK/A)**

Tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b><u>100</u></b>	<b><u>1.978.000</u></b>
PN02/T09	03/09	Nhập kho Thép tấm	112	19.822	2.400	47.572.800			2.500	
PX03/T09	04/09	Xuất kho cho xưởng Pha cắt	621				800		1.700	
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>2.400</b>	<b>47.572.800</b>	<b>800</b>	<b>15.856.256</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b><u>1.700</u></b>	<b><u>33.694.544</u></b>

*Ngày 30 tháng 09 năm 2014.*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Căn cứ vào dòng cộng ở các Bảng kê xuất, kế toán tiến hành ghi sổ Chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 621 (**Biểu 2.6**).

**Biểu 2.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

Mẫu số: S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH – CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP**

**Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621)**

Tên sản phẩm: Nắp hầm hàng AH025

Tháng 09 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 621				
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra			.....
						Thép tấm L100x75x10(NK/A)	Thép tấm L200x90x9(NK/A)	Thép tấm L125x75x7(NK/A)	
30/09	BKX01/T09	30/09	Xuất Thép tấm L100x75x10(NK/A)	152	15.856.256	15.856.256			
30/09	BKX02/T09	30/09	Xuất Thép tấm L200x90x9(NK/A)	152	8.831.700	8.831.700			
30/09	BKX03/T09	30/09	Xuất Thép tấm L125x75x7(NK/A)	152	9.319.000		9.319.000		
			.....						
			<b>Cộng phát sinh trong tháng</b>		<b>273.124.884</b>	<b>15.856.256</b>	<b>35.703.237</b>	<b>17.421.647</b>	<b>.....</b>
			<b>Ghi Có TK 621</b>	<b>154</b>	<b>273.124.884</b>	<b>15.856.256</b>	<b>35.703.237</b>	<b>17.421.647</b>	<b>.....</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Dựa trên bảng kê xuất (**Biểu 2.4**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.7**).

**Biểu 2.7: Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hong Bang – TP.Hải Phòng

Mẫu số: S03a– DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
30/09	PN02/T09	03/09	Nhập kho Thép tấm L100x75x10(NK/A)	152 112	47.572.800	47.572.800
30/09	BKX01/T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L100x75x10(NK/A) cho xưởng Pha cắt	621 152	15.856.256	15.856.256
30/09	BKX02/T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L200x90x9(NK/A) cho xưởng Pha cắt	621 152	8.831.700	8.831.700
30/09	BKX03/T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L125x75x7(NK/A) cho xưởng Pha cắt	621 152	9.319.000	9.319.000
			.....			
30/09	PKT01/T09	30/09	Kết chuyển Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	154 621	4.885.195.674	4.885.195.674
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>62.244.768.239</b>	<b>62.244.768.239</b>
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>906.896.377.112</b>	<b>906.896.377.112</b>

Sổ này có 220 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 220. Ngày mở sổ: 01/01/2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.7**), kế toán vào Sổ Cái tài khoản 621 (**Biểu 2.8**).

**Biểu 2.8: Sổ Cái tài khoản 621.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**Mẫu số: S03b– DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ CÁI**

Năm 2014

Tài khoản: 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			.....			
30/09	BKX01/ T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L100x75x10(NK/A) cho xưởng Pha cắt	152	15.856.256	
30/09	BKX02/ T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L200x90x9(NK/A) cho xưởng Pha cắt	152	8.831.700	
30/09	BKX03/ T09	30/09	Xuất kho Thép tấm L125x75x7(NK/A) cho xưởng Pha cắt	152	9.319.000	
			.....			
30/09	PKT01/ T09	30/09	Kết chuyển Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	154		4.885.195.674
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>4.885.195.674</b>	<b>4.885.195.674</b>
			<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>40.349.796.716</b>	<b>40.349.796.716</b>
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Công ty Cổ phần Lisemco 5 áp dụng hình thức tiền lương theo thời gian để trả cho công nhân sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp của công ty bao gồm: Tiền lương trả theo thời gian và Phụ cấp ăn trưa.

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Hệ số lương} \times \text{Lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương công ty} \times \text{Hệ số xếp loại}}{\text{Số ngày làm việc quy định trong tháng}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

$$\text{Phụ cấp ăn trưa} = \text{Số ngày làm việc thực tế} \times 15.000 \text{ đồng}$$

Trong đó:

- Lương tối thiểu áp dụng năm 2014 theo quy định là 1.150.000 đồng.
- Hệ số lương công ty năm 2014 áp dụng là 1,66.
- Xếp loại: Xưởng loại I hệ số là 0,98, loại II là 0,95, loại III là 0,92 do Tổng Giám đốc phê duyệt xếp loại cuối tháng.

Hàng tháng, trưởng các bộ phận sẽ theo dõi số ngày làm việc thực tế của mỗi công nhân trong tháng thông qua Bảng chấm công. Căn cứ Bảng chấm công do quản đốc phân xưởng gửi lên vào cuối tháng, kế toán sẽ tính toán số tiền lương và các khoản trích theo lương, từ đó tính ra thu nhập thực người lao động được hưởng. Các khoản trích theo lương công ty áp dụng cho công nhân viên được thể hiện ở **(Biểu 2.9)** như sau:

**Biểu 2.9: Các khoản trích theo lương năm 2014**

Khoản mục	Công ty	Công nhân viên	Tổng cộng
Bảo hiểm xã hội	18%	8%	26%
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	2%
Cộng	22%	10,5%	32,5%

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

## ***Khóa luận tốt nghiệp***

---

Các khoản thu qua lương của công nhân viên với căn cứ tính là 1,5% tổng thu nhập bao gồm: 1% Đoàn phí công đoàn, 0,5% Quỹ Nghĩã tình đồng nghiệp.

**Ví dụ 2:** Cuối tháng 09/2014, xưởng Gá lắp chi tiết nộp về phòng Tài chính – Kế toán Bảng chấm công của xưởng. Dựa trên số liệu này, kế toán xác định:

Tổng thu nhập của ông Nguyễn Việt Tiến là **6.023.742 đồng** bao gồm:

$$\text{Lương thời gian} = \frac{2,96 \times 1.150.000 \times 1,66 \times 0,98}{25} \times 25 = 5.537.627 \text{ đồng}$$

$$\text{Phụ cấp ăn trưa} = 25 \times 15.000 = 375.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Lương ngày lễ 2/9} = \frac{2.889.000}{26} \times 1 = 111.115 \text{ đồng}$$

Các khoản trích theo lương được tính trên lương tối thiểu vùng năm 2014, cộng thêm 7% tay nghề lao động.

Năm 2014 lương tối thiểu của người lao động tại Hồng Bàng – Hải Phòng thuộc khu vực I nên có mức thu nhập trung bình là 2.700.000. Vậy các khoản trích theo lương trích trên số tiền là:  $2.700.000 + 2.700.000 \times 7\% = 2.889.000$  đồng.

Mức lương tối thiểu năm 2014 là 1.150.000 đồng.

Các khoản trích theo lương tính vào lương của ông Nguyễn Việt Tiến là:

$$+\text{Bảo hiểm xã hội: } 1.150.000 \times 2,96 \times 8\% = 272.320 \text{ đồng.}$$

$$+\text{Bảo hiểm y tế: } 1.150.000 \times 2,96 \times 1,5\% = 51.060 \text{ đồng.}$$

$$+\text{Bảo hiểm thất nghiệp: } 1.150.000 \times 2,96 \times 1\% = 34.040 \text{ đồng.}$$

$$+\text{Đoàn phí công đoàn: } 6.023.742 \times 1\% = 60.237 \text{ đồng}$$

$$+\text{Quỹ Nghĩã tình đồng nghiệp: } 6.023.742 \times 0,5\% = 30.119 \text{ đồng.}$$

Vậy tiền thực lĩnh của ông Nguyễn Việt Tiến trong tháng 09/2014 là:

$$6.023.742 - (272.320 + 51.060 + 34.040 + 60.237 + 30.119) = 5.575.966 \text{ đồng.}$$



*Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.10: Bảng chấm công tháng 9 năm 2014 của Xưởng Gá lắp chi tiết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG CHẤM CÔNG**  
**Bộ phận: Xưởng Gá lắp chi tiết**  
 Tháng 09 năm 2014

S T T	Họ và tên	Ngày trong tháng																								Số ngày làm việc
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				
1	Nguyễn Việt Tiến	x		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		25		
2	Phan Văn Huân	x		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		25		
3	Tiêu Văn Đạt	x		x	x	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x	x		x	x		24		
4	Trần Văn Cường	x		x	x		x		x	x	x	x		x	x	x		x	x		x	x		23		
5	Nguyễn Văn Nam	x		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		25		
...	...																									
23	Võ Văn Điệp	x		x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x				x	23		
24	Phạm Văn Diễn	x		x	x	x	x			x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		24		

Xưởng Gá lắp chi tiết  
(Ký, họ tên)

Phòng Hành chính  
(Ký, họ tên)

Phòng Kế hoạch sản xuất  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ Bảng chấm công tháng 09/2014 của Xưởng Gá lắp chi tiết (**Biểu 2.10**), kế toán lập Bảng tính lương (**Biểu 2.11**).

**Biểu 2.11: Bảng tính lương tháng 9 năm 2014 của Xưởng Gá lắp chi tiết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG TÍNH LƯƠNG THÁNG 09/2014**

**Bộ phận: Xưởng Gá lắp chi tiết**

STT	Họ tên	Hệ số	Lương tối thiểu	Hệ số lương công ty	Xếp loại	Số công	Lương thời gian	Phụ cấp ăn trưa	Lương ngày lễ 2/9	Tổng lương
1	Nguyễn Việt Tiến	2,96	1.150.000	1,66	0,98	25	5.537.627	375.000	111.115	6.023.742
2	Phan Văn Huân	2,34	1.150.000	1,66	0,98	25	4.377.719	375.000	111.115	4.863.834
3	Tiêu Văn Đạt	2,34	1.150.000	1,66	0,98	24	4.202.610	360.000	111.115	4.673.725
4	Trần Văn Cường	2,65	1.150.000	1,66	0,98	23	4.561.059	345.000	111.115	5.017.174
5	Nguyễn Văn Nam	2,56	1.150.000	1,66	0,98	25	4.789.299	375.000	111.115	5.275.414
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
24	Phạm Văn Diễn	2,48	1.150.000	1,66	0,98	24	4.454.048	360.000	111.115	4.925.163
	<b>TỔNG</b>					<b>500</b>	<b>100.679.496</b>	<b>7.560.000</b>	<b>2.666.760</b>	<b>110.906.256</b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Xưởng Gá lắp chi tiết  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ vào Bảng tính lương (Biểu 2.11), kế toán lập Bảng thanh toán lương (Biểu 2.12).

**Biểu 2.12: Bảng thanh toán lương của xưởng Gá lắp chi tiết tháng 09/2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

**Bộ phận: Xưởng Gá lắp chi tiết.**

Tháng 09 năm 2014

S T T	Họ và tên	Hệ số (Lương TT 1.150.000)	Lương thời gian		Phụ cấp ăn trưa	Lương ngày lễ 2/9	Lương thực tế (1)	Thu 1% ĐP, 0,5 % quỹ NTĐN (2)	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (10,5%) (3)	Thực lĩnh = (1) – (2) – (3)
			Số công	Thành tiền							
1	Nguyễn Việt Tiến	2,96	25	5.537.627	375.000	111.115	6.023.742	90.356	3.404.000	357.420	5.575.966
2	Phan Văn Huân	2,34	25	4.377.719	375.000	111.115	4.863.834	72.957	2.889.000	303.345	4.487.532
3	Tiêu Văn Đạt	2,34	24	4.202.610	360.000	111.115	4.673.725	70.106	2.889.000	303.345	4.300.274
4	Trần Văn Cường	2,65	23	4.561.059	345.000	111.115	5.017.174	75.257	3.047.500	319.988	4.621.929
...	....	....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>			<b>500</b>	<b>100.679.496</b>	<b>7.560.000</b>	<b>2.666.760</b>	<b>110.906.256</b>	<b>1.663.594</b>	<b>69.808.000</b>	<b>7.329.840</b>	<b>101.912.822</b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

*Khóa luận tốt nghiệp*

Từ Bảng tính lương (Biểu 2.11), kế toán lập Bảng trích các khoản theo lương tháng 09/2014 (Biểu 2.13).

**BIỂU 2.13: Bảng trích các khoản theo lương của xưởng Gá lắp chi tiết tháng 09/2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG**

**Bộ phận: Xưởng Gá lắp chi tiết**

Tháng 09 năm 2014

S T T	Họ và tên	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (10,5% lương đóng bảo hiểm)				Các khoản trích tính vào chi phí (22% lương đóng bảo hiểm)				Cộng 32,5%
			BHXX (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN 1%)	Cộng (10,5%)	BHXX (18%)	BHYT (3%)	BHTN 1%)	Cộng (22%)	
1	Nguyễn Việt Tiến	3.404.000	272.320	51.060	34.040	357.420	612.720	102.120	34.040	748.880	1.106.300
2	Phan Văn Huấn	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	635.580	938.925
3	Tiêu Văn Đạt	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	635.580	938.925
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>69.808.000</b>	<b>5.584.640</b>	<b>1.047.120</b>	<b>698.080</b>	<b>7.329.840</b>	<b>12.565.440</b>	<b>2.094.240</b>	<b>698.080</b>	<b>15.357.760</b>	<b>22.687.600</b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương (**Biểu 2.12**) và Bảng trích các khoản theo lương (**Biểu 2.13**), kế toán lập Bảng tổng hợp lương và trích theo lương (**Biểu 2.14**).

**Biểu 2.14: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 09 năm 2014

Bộ phận	Lương thực tế phải trả	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương 1,5% lương thực tế	Các khoản trừ vào lương (10,5% lương đóng bảo hiểm)				Các khoản tính vào chi phí (22% lương đóng bảo hiểm)				Thực lĩnh
				BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (10,5%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng (22%)	
Pha cắt	90.616.250	55.114.000	1.359.244	4.409.120	826.710	551.140	5.786.970	9.920.520	1.653.420	551.140	12.125.080	83.470.036
Gá lắp chi tiết	110.906.256	69.808.000	1.663.594	5.584.640	1.047.120	698.080	7.329.840	12.565.440	2.094.240	698.080	15.357.760	101.912.822
Tổ hợp lắp ráp hàn	115.008.980	73.892.500	1.725.134	5.911.400	1.108.388	738.925	7.758.713	13.300.650	2.216.775	738.925	16.256.350	105.525.133
Hoàn thiện	81.519.430	45.892.500	1.222.791	3.671.400	688.388	458.925	4.818.713	8.260.650	1.376.775	458.925	10.096.350	75.477.926
Phun hạt mài sơn	130.600.260	86.148.000	1.959.004	6.891.840	1.292.220	861.480	9.045.540	15.506.640	2.584.440	861.480	18.952.560	119.595.716
Cơ điện	43.100.131	23.112.000	646.502	1.848.960	346.680	231.120	2.426.760	4.160.160	693.360	231.120	5.084.640	40.026.869
<b>Cộng CNTTSX</b>	<b>571.751.307</b>	<b>353.967.000</b>	<b>8.576.269</b>	<b>28.317.360</b>	<b>5.309.506</b>	<b>3.539.670</b>	<b>37.166.536</b>	<b>63.714.060</b>	<b>10.619.010</b>	<b>3.539.670</b>	<b>77.872.740</b>	<b>520.008.502</b>
QLPX	36.142.452	20.424.000	542.137	1.633.920	306.360	204.240	2.144.520	3.676.320	612.720	204.240	4.493.280	33.455.795
QLDN	199.336.927	147.339.000	2.990.054	11.787.120	2.210.085	1.473.390	15.470.595	26.521.020	4.420.170	1.473.390	32.414.580	180.876.278
<b>Cộng</b>	<b>807.230.686</b>	<b>521.730.000</b>	<b>12.108.460</b>	<b>41.738.400</b>	<b>7.825.951</b>	<b>5.217.300</b>	<b>54.781.651</b>	<b>93.911.400</b>	<b>15.651.900</b>	<b>5.217.300</b>	<b>114.780.600</b>	<b>734.340.575</b>

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Căn cứ vào Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương (**Biểu 2.14**), kế toán lập Bảng phân bổ tiền lương (**Biểu 2.15**).

**Biểu 2.15: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM**

Tháng 09 năm 2014

S T T	Ghi Có TK		Ghi có TK 338										
	Đối tượng sử dụng (ghi Nợ các TK)	Có TK 334	Các khoản trừ vào lương						Các khoản tính vào chi phí				
			BHXH	BHYT	BHTN	Đoàn phí	Quỹ NTĐN	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
1	<b>TK 622</b>	571.751.307								63.714.060	10.619.010	3.539.670	77.872.740
2	<b>TK627</b>	36.142.452								3.676.320	612.720	204.240	4.493.280
3	<b>TK 642</b>	199.336.927								26.521.020	4.420.170	1.473.390	32.414.580
4	<b>TK 334</b>		41.738.400	7.825.951	5.217.300	8.072.307	4.036.153	66.890.111					
	<b>Cộng</b>	807.230.686	41.738.400	7.825.951	5.217.300	8.072.307	4.036.153	66.890.111	93.911.400	15.651.900	5.217.300	114.780.600	

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ Bảng phân bổ tiền lương (**Biểu 2.15**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.16**).

**Biểu 2.16: Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**Mẫu số: S03a– DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
30/09	BPBTL/T09	30/09	Trả lương cho công nhân viên	622 627 642 334	571.751.307 36.142.452 199.336.927	807.230.686
30/09	BPBTL/T09	30/09	Các khoản trích tính vào chi phí	622 627 642 338	77.872.740 4.493.280 32.414.580	114.780.600
30/09	BPBTL/T09	30/09	Các khoản trích trừ vào lương	334 338	66.890.111	66.890.111
			.....			
30/09	PKT02/T09	30/09	Kết chuyển Chi phí Nhân công trực tiếp	154 622	649.624.047	649.624.047
			.....			
			Cộng phát sinh tháng 09/2014		62.244.768.239	62.244.768.239
			Cộng lũy kế từ đầu năm		906.896.377.112	906.896.377.112

Sổ này có 220 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 220. Ngày mở sổ: 01/01/2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.16**), kế toán vào Sổ Cái tài khoản 622 (**Biểu 2.17**).

**Biểu 2.17: Sổ Cái tài khoản 622**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ CÁI**

Năm 2014

Tài khoản: 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
30/09	BPBTL /T09	30/09	Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất	334	571.751.307	
30/09	BPBTL /T09	30/09	Các khoản trích tính vào chi phí cho công nhân trực tiếp sản xuất	338	77.872.740	
30/09	PKT02/T09	30/09	Kết chuyển Chi phí Nhân công trực tiếp	154		649.624.047
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>649.624.047</b>	<b>649.624.047</b>
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>7.543.724.590</b>	<b>7.543.724.590</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)



## *Khóa luận tốt nghiệp*

Công ty phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng sản phẩm sản xuất trong tháng dựa vào tỷ lệ % chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng trong kỳ.

$$\text{Mức chi phí nhân công trực tiếp phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp cần phân bổ}$$

Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán mức chi phí nhân công trực tiếp phân bổ cho từng sản phẩm (**Biểu 2.18**).

**Biểu 2.18: Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp**

### **BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP**

Từ 01/09/2014 - 30/09/2014

STT	Tên sản phẩm	Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp của từng sản phẩm	Chi phí Nhân công trực tiếp phân bổ cho từng sản phẩm
1	AH025	273.124.884	36.378.947
2	FORMOSA 1	1.393.336.928	185.142.853
3	HL16	452.671.089	60.415.036
4	CMI 2	808.458.120	107.187.968
5	HB54	1.171.084.988	155.909.771
6	Barh – Tyazhmash 2	786.519.665	104.589.472
	Cộng	4.885.195.674	649.624.047

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Kế toán xác định Chi phí Nhân công trực tiếp phân bổ cho sản phẩm Nắp hầm hàng AH025 như sau:

$$\text{Mức chi phí nhân công trực tiếp phân bổ cho AH025} = \frac{273.124.884}{4.885.195.674} \times 649.624.047 = 36.378.947 \text{ đồng.}$$

**2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu phụ dùng cho phân xưởng, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao Tài sản cố định dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền. Cuối tháng, muốn xác định chi phí sản xuất chung của từng sản phẩm để làm căn cứ tính giá thành thì kế toán sẽ tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức tỷ lệ % chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng trong kỳ với công thức:

$$\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}$$

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho, phiếu chi, hóa đơn GTGT...
- **Tài khoản sử dụng:** Công ty sử dụng tài khoản 627 – Chi phí Nhân công trực tiếp. Cụ thể:

**6271:** Chi phí nhân viên phân xưởng.      **6272:** Chi phí vật liệu.  
**6273:** Chi phí dụng cụ sản xuất.            **6274:** Chi phí khấu hao TSCĐ.  
**6277:** Chi phí dịch vụ mua ngoài.        **6278:** Chi phí bằng tiền khác.

- **Sổ sách sử dụng:** Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 627.
- **Nội dung hạch toán chi phí Sản xuất chung:**

**Chi phí nhân viên phân xưởng:**

Chi phí nhân viên phân xưởng được thể hiện ở Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương (**Biểu 2.14**), Bảng phân bổ tiền lương (**Biểu 2.15**).

**Chi phí công cụ, dụng cụ:**

Với những công cụ dụng cụ nhỏ như: đá mài, que hàn... kế toán phân bổ hết một lần vào chi phí, còn các công cụ dụng cụ có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài sẽ được tập hợp vào TK 242 - chi phí trả trước dài hạn (phân bổ dần vào chi phí sản xuất chung theo thời gian sử dụng ước tính), kế toán theo dõi TK 242 trên bảng phân bổ như (**Biểu 2.19**).

*Khóa luận tốt nghiệp*

**Biểu 2.19: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Tháng 09 năm 2014

ST T	Tên vật tư	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ		Giá trị còn lại
									627	642	
1	Ống phun hạt mài	Xưởng Sơn	20	6.047.800	120.956.000	18	67.197.778	6.719.778	6.719.778		60.478.000
2	Dây bán sơn	Xưởng Sơn	20	2.225.690	44.513.800	18	24.729.889	2.472.989	2.472.989		22.256.900
3	Pa lăng xích 1T	Xưởng Pha cắt	4	7.000.000	28.000.000	24	16.333.333	1.166.667	1.166.667		15.166.666
4	Pa lăng xích 2T	Xưởng Pha cắt	3	11.000.000	33.000.000	24	20.625.000	1.375.000	1.375.000		19.250.000
5	Máy in	Phòng KCS	2	2.650.000	5.300.000	36	3.533.333	147.222		147.222	3.386.111
	....		...	...	...	...	...	...	...	....	...
	<b>Cộng</b>						<b>253.628.500</b>	<b>79.380.210</b>	<b>63.530.212</b>	<b>15.849.998</b>	<b>174.248.290</b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Chi phí khấu hao Tài sản cố định:**

Hàng tháng, kế toán tiến hành trích khấu hao Tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, mức khấu hao tháng xác định theo công thức: Mức khấu hao tháng =  $\frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \frac{1}{12 \text{ tháng}}$

Tuy nhiên, số lượng máy móc tự mua rất ít, số máy móc đang sử dụng chủ yếu thuộc hệ thống nhà xưởng mà công ty thuê của Công ty Cổ phần Lisemco. Việc theo dõi tổng hợp tình hình trích khấu hao Tài sản cố định của công ty được thể hiện ở Bảng phân bổ khấu hao (**Biểu 2.20**).

**Biểu 2.20: Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 09 Năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng (năm)	Nơi sử dụng		TK 627- Chi phí sản xuất chung	TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí quản lý
			Toàn DN				
			Nguyên giá	Số khấu hao tháng			
1	Số khấu hao trích tháng trước	5	5.043.721.400	84.062.023	47.033.250	1.446.923	35.581.850
2	Số khấu hao tăng trong tháng		-	-	-	-	-
3	Số khấu hao giảm trong tháng		-	-	-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		5.043.721.400	84.062.023	47.033.250	1.446.923	35.581.850

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

## **Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương (**Biểu 2.14**), Bảng phân bổ lương (**Biểu 2.15**), Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn (**Biểu 2.19**), Bảng phân bổ khấu hao (**Biểu 2.20**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.21**).

### **Biểu 2.21: Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng  
Bàng – TP.Hải Phòng

**Mẫu số: S03a– DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **TRÍCH: SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
30/09	BPBT L/T09	30/09	Trả lương cho nhân viên quản lý phân xưởng	627 334	36.142.452	36.142.452
30/09	BPBT L/T09	30/09	Các khoản trích tính vào chi phí cho nhân viên quản lý phân xưởng	627 338	4.493.280	4.493.280
30/09	BPBC P/T09	30/09	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	627 642 242	63.530.212 15.849.998	79.380.210
30/09	BPBK H/T09	30/09	Phân bổ Khấu hao Tài sản cố định	627 641 642 214	47.033.250 1.446.923 35.581.850	84.062.023
30/09	PKT0 3/T09	30/09	Kết chuyển Chi phí sản xuất chung	154 627	614.199.194	614.199.194
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>62.244.768.239</b>	<b>62.244.768.239</b>
			<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>906.896.377.112</b>	<b>906.896.377.112</b>

Sổ này có 220 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 220. Ngày mở sổ: 01/01/2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.21**), kế toán vào Sổ Cái tài khoản 627 (**Biểu 2.22**).

**Biểu 2.22: Sổ Cái tài khoản 627.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ CÁI**

Năm 2014

Tài khoản: 627 – Chi phí sản xuất chung

*Đơn vị tính: VND*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
30/09	BPBTL /T09	30/09	Trả lương cho nhân viên quản lý phân xưởng	334	36.142.452	
30/09	BPBTL /T09	30/09	Các khoản trích tính vào chi phí cho nhân viên quản lý phân xưởng	338	4.493.280	
30/09	BPBCP /T09	30/09	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	242	63.530.212	
30/09	BPBK H/T09	30/09	Phân bổ Khấu hao Tài sản cố định	214	47.033.250	
			.....			
30/09	PKT04/ T09	30/09	Kết chuyển Chi phí sản xuất chung	154		614.199.194
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>614.199.194</b>	<b>614.199.194</b>
			<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>35.043.724.589</b>	<b>35.043.724.589</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

## *Khóa luận tốt nghiệp*

Công ty phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng sản phẩm sản xuất trong tháng dựa vào tỷ lệ % chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng trong kỳ.

$$\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}$$

Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán hệ số phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng loại sản phẩm (**Biểu 2.23**).

**Biểu 2.23: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung**

### **BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

Từ 01/09/2014 - 30/09/2014

STT	Tên sản phẩm	Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp của từng sản phẩm	Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng sản phẩm
1	AH025	273.124.884	34.395.155
2	FORMOSA 2	1.393.336.928	175.046.770
3	HL16	452.671.089	57.120.525
4	CMI 2	808.458.120	101.342.867
5	HB54	1.171.084.988	147.407.806
6	Barh – Tyazhmash 2	786.519.665	98.886.071
	Cộng	4.885.195.674	614.199.194

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Kế toán xác định Chi phí Sản xuất chung phân bổ cho sản phẩm Nắp hầm hàng AH025 như sau:

$$\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho AH025} = \frac{273.124.884}{4.885.195.674} \times 614.199.194 = 34.395.155 \text{ đồng.}$$

## **Khóa luận tốt nghiệp**

### 2.2.4.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành thành phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

- Hệ thống chứng từ: phiếu kế toán, bảng tính giá thành sản phẩm...
- Tài khoản sử dụng: 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- Sổ sách sử dụng : Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 154.
- Nội dung tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5:

Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp. Theo phương pháp này, kế toán chỉ tính vào chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí còn lại như chi phí Nhân công trực tiếp và chi phí Sản xuất chung được tính toàn bộ vào chi phí sản xuất của sản phẩm hoàn thành.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu quản lý sản xuất và giá thành... công ty đã lựa chọn tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng giá thành thực tế} & & \text{Tổng chi phí sản xuất thực tế tập hợp theo} \\ \text{đơn đặt hàng} & = & \text{đơn đặt hàng} \end{array}$$

Cuối tháng, từ kết quả sản xuất đã tính toán được, kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển chi phí (TK 621, TK 622, TK 627) sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154) để làm căn cứ ghi sổ như sau:

#### **Biểu 2.24: Phiếu kế toán kết chuyển TK 621 sang TK 154**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

### **PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số hiệu PKT01/T09**

Ngày 30 Tháng 09 Năm 2014

STT	Tên tài khoản	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chia ra	
					AH025	...
1	Kết chuyển chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	154	621	4.885.195.674	273.124.884	...
	<b>Cộng</b>			<b>4.885.195.674</b>	<b>273.124.884</b>	...

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)



**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.25: Phiếu kế toán kết chuyển TK 622 sang TK 154**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số hiệu PKT02/T09**

Ngày 30 Tháng 09 Năm 2014

STT	Tên tài khoản	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp	154	622	649.624.047
	<b>Cộng</b>			<b>649.624.047</b>

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

**Biểu 2.26: Phiếu kế toán kết chuyển TK 627 sang TK 154**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số hiệu PKT03/T09**

Ngày 30 Tháng 09 Năm 2014

STT	Tên tài khoản	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí Sản xuất chung	154	627	614.199.194
	<b>Cộng</b>			<b>614.199.194</b>

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

**Biểu 2.27: Thử tính giá thành sản phẩm**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Tên sản phẩm: Nắp hầm hàng AH025

Tháng 09 Năm 2014

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành
<b>621</b>	<b>125.114.025</b>	273.124.884	-	398.238.909
<b>622</b>	-	36.378.947	-	36.378.947
<b>627</b>	-	34.395.155	-	34.395.155
<b>Tổng</b>	-	<b>343.898.986</b>	-	<b>469.013.011</b>

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Cuối tháng, kế toán lập Phiếu kế toán (**Biểu 2.28**) để xác định sản phẩm hoàn thành đã được kết chuyển sang giá vốn.

**Biểu 2.28: Phiếu kế toán kết chuyển TK 154 sang TK 632**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số hiệu PKT04/T09**

Ngày 30 Tháng 09 Năm 2014

STT	Tên tài khoản	TK Nợ	TK Có	Số tiền
<b>1</b>	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Nắp hầm hàng AH025	<b>6322</b>	<b>154</b>	469.013.011
	<b>Cộng</b>			<b>469.013.011</b>

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ Phiếu kế toán PKT01/T09 (**Biểu 2.24**), PKT02/T09 (**Biểu 2.25**), PKT03/T09 (**Biểu 2.26**), PKT04/T09 (**Biểu 2.28**), Thẻ tính giá thành (**Biểu 2.27**), kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.29**).

**Biểu 2.29: Sổ Nhật ký chung**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**Mẫu số: S03a- DN**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –  
Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
30/09	PKT01/T09	30/09	Kết chuyển chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	154 621	4.885.195.674	4.885.195.674
30/09	PKT02/T09	30/09	Kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp	154 622	649.624.047	649.624.047
30/09	PKT03/T09	30/09	Kết chuyển chi phí Sản xuất chung	154 627	614.199.194	614.199.194
30/09	PKT04/T09	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất xác định giá vốn AH025	6322 154	469.013.011	469.013.011
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>62.244.768.239</b>	<b>62.244.768.239</b>
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>906.896.377.112</b>	<b>906.896.377.112</b>

Sổ này có 220 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 220. Ngày mở sổ: 01/01/2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Căn cứ Sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.29**), kế toán ghi Sổ Cái TK 154 (**Biểu 2.30**).

**Biểu 2.30: Sổ Cái tài khoản 154**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km5+200 – Quốc lộ 5 – Hùng Vương –

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH: SỔ CÁI**

Tháng 09 Năm 2014

Tài khoản: 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>800.382.442</b>	
			.....			
30/09	PKT01/T 09	30/09	Kết chuyển chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	621	4.885.195.674	
30/09	PKT02/T 09	30/09	Kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp	622	649.624.047	
30/09	PKT03/T 09	30/09	Kết chuyển chi phí Sản xuất chung	627	614.199.194	
30/09	PKT04/T 09	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất xác định giá vốn AH025	6322		469.013.011
			.....			
			<b>Cộng phát sinh tháng 09/2014</b>		<b>6.149.018.915</b>	<b>6.384.862.990</b>
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>82.937.245.895</b>	<b>83.000.655.563</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>736.972.774</b>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5

### 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

#### 3.1.1 Ưu điểm

Trải qua những năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Cổ phần Lisemco5 đang ngày càng phát triển, nâng cao uy tín và khẳng định được chất lượng sản phẩm trên thị trường. Cùng với nỗ lực phấn đấu của ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công nhân viên, Công ty Cổ phần Lisemco 5 đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Cụ thể:

- **Thứ nhất**, về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung: Số liệu kế toán phục vụ kịp thời cho chỉ đạo toàn công ty, tất cả các công việc kế toán chủ yếu được tập hợp ở văn phòng trung tâm nên tránh được tình trạng báo cáo sai lệch về tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.

- Bộ máy kế toán tại công ty với những nhân viên giàu kinh nghiệm, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình tại công ty.

- **Thứ hai**, về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán:

- Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức ghi chép giản đơn, thuận tiện.

- Hệ thống chứng từ tại công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của công ty. Đồng thời kế toán công ty cũng đã xây dựng được trình tự luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác.

- Phương pháp tính giá thành áp dụng tại công ty là phương pháp đơn đặt hàng. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý.

- **Thứ ba**, về tổ chức quản lý lao động:

Công ty rất quan tâm đến vấn đề quản lý lao động, luôn khuyến khích động viên đối với người lao động có hoàn cảnh khó khăn thông qua quỹ hỗ trợ.

- **Thứ tư**, về nguyên vật liệu:

Công ty luôn chủ động trong việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất trong giai đoạn hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Việc mua sắm vật tư theo các đơn đặt hàng vừa góp phần tránh ứ đọng vốn trong hàng tồn kho của công ty vừa giúp cho kế toán dễ dàng tập hợp chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp cho từng sản phẩm.

### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty còn một số tồn tại:

- Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất dùng theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Bên cạnh những ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện thì phương pháp này cũng có những hạn chế nhất định như: Khối lượng công việc bị dồn lại vào cuối tháng gây áp lực cho kế toán, số lượng sổ sách kèm theo để theo dõi tình hình nguyên vật liệu tăng lên có thể dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn và yêu cầu kịp thời trong thông tin kế toán chưa được đáp ứng.

- Chi phí phải trả là những khoản chi trong kế hoạch của toàn công ty cần phải trích trước để tính vào chi phí sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo không có sự đột biến lớn trong giá thành sản phẩm khi các chi phí này phát sinh. Tuy nhiên, công ty lại không thực hiện trích trước chi phí tiền thuê phân xưởng. Đây là khoản chi phí rất lớn lên tới 27.500.000.000 đồng/năm.

- Trong quá trình sản xuất không tránh khỏi những sai sót, các chi tiết, bộ phận tạo nên sản phẩm có thể bị hỏng hoặc không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nên bị loại bỏ. Tuy nhiên, công ty còn thiếu cơ chế phạt người lao động liên quan đến những sai sót này. Những chi tiết, bộ phận của sản phẩm bị hỏng công ty đều có thể sửa chữa được, nhưng kế toán lại hạch toán vào phế liệu thu hồi. Song việc quản lý phế liệu thu hồi lại không chặt chẽ thường chỉ hạch toán khi sản phẩm đã hoàn thành xong. Trong khoảng thời gian phế liệu chưa được hạch toán, chưa nhập kho chính thức, việc các phân xưởng tận dụng những phế liệu

này để phục vụ sản xuất khiến cho việc xác định khối lượng nguyên vật liệu để hạch toán chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp không còn được chính xác.

- Ngoài ra, hiện nay ở công ty Kinh phí Công đoàn đang bị trừ trực tiếp vào thu nhập của người lao động, việc làm này trên cơ sở là tự nguyện của người lao động. Tuy nhiên, việc không hạch toán Kinh phí Công đoàn là khoản được tính vào chi phí Nhân công trực tiếp sản xuất và chi phí Sản xuất chung (chi phí lương của nhân viên quản lý phân xưởng) đã làm giảm chi phí sản xuất sản phẩm và làm giảm giá vốn hàng bán. Việc làm này còn ảnh hưởng đến việc gia tăng chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp cuối năm.

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất, khối lượng công việc lớn, nguyên liệu sản xuất nhiều... việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Mặc dù đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên việc hạch toán sổ sách vẫn chỉ dựa trên các mẫu sổ trên ứng dụng Excel gây ra tình trạng hao phí về mặt thời gian. Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bị dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

### **3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Như vậy một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ việc đầu tư vốn, tổ chức sản xuất đến việc tiêu thụ sản phẩm. Một trong những biện pháp quan trọng nhất giúp doanh nghiệp nâng cao được năng lực cạnh tranh trên thị trường đó là biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty Cổ phần Lisemco 5 đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ngày càng được coi trọng.

### **3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất– giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là tính kịp thời trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn... phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành luật pháp mà còn có một vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất– giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

**Thứ nhất**, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

**Thứ hai**, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán của Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

**Thứ ba**, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, hợp lý và tiết kiệm, song vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

**Thứ tư**, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.



### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5:

#### **3.4.1 Kiến nghị 1: Về việc thay đổi phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho tại công ty**

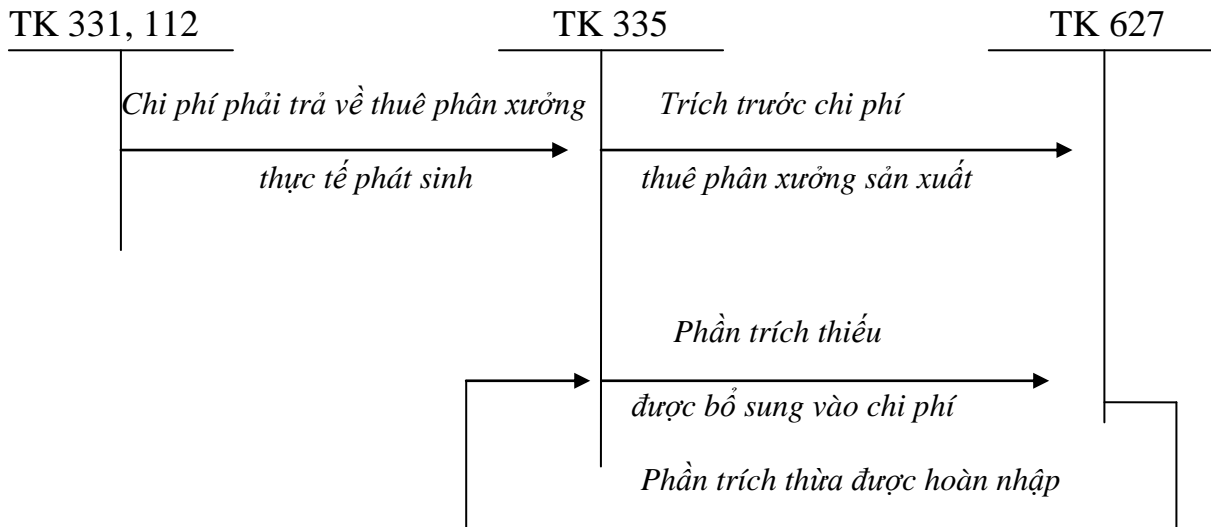
Phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho hiện nay công ty đang áp dụng là phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Để khắc phục những hạn chế của phương pháp này, công ty có thể áp dụng tính giá Nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Sau mỗi lần nhập vật tư, sản phẩm, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực tế hàng tồn kho và đơn giá bình quân. Công thức tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân liên hoàn sau lần nhập } i &= \frac{\text{Trị giá tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng tồn sau lần nhập } i} \\ \text{Trị giá xuất} &= \text{Số lượng xuất} \times \text{Đơn giá bình quân liên hoàn sau lần nhập } i \end{aligned}$$

#### **3.4.2 Kiến nghị 2: Về việc trích trước tiền thuê phân xưởng của công ty**

Hiện nay, Công ty Cổ phần Lisemco cho Công ty Cổ phần Lisemco 5 thuê phân xưởng sản xuất với giá là 27.500.000.000 đồng/năm, bao gồm nhà xưởng và toàn bộ máy móc bên trong. Công ty Cổ phần Lisemco 5 thanh toán tiền thuê 1 lần vào cuối năm. Đây là khoản phí tồn rất lớn phải trích trước nhưng hiện nay công ty không trích trước khiến cho chi phí sản xuất phát sinh trong tháng 12 bị tăng đột biến ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm. Vì vậy, hàng tháng công ty nên trích trước chi phí thuê phân xưởng vào chi phí sản xuất. Trình tự hạch toán theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán trích trước chi phí tiền thuê phân xưởng**

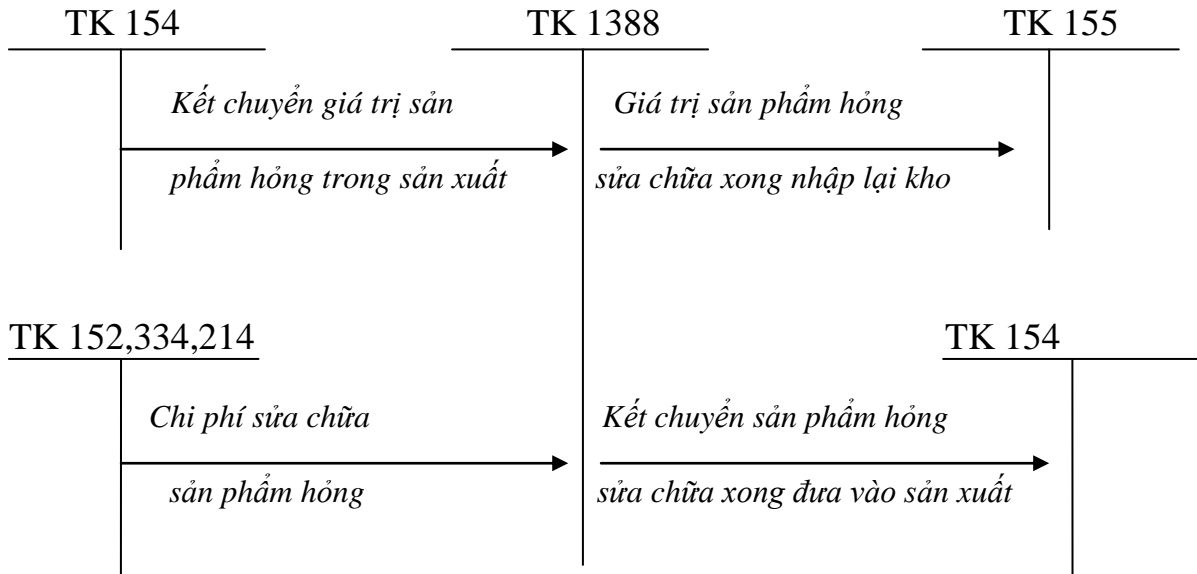


**3.4.3 Kiến nghị 3: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất**

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân khách quan hay chủ quan nhưng đều làm cho chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Để hạn chế chi phí thì cần khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại này. Ngoài ra, công ty phải đề cao được tính kịp thời trong công tác hạch toán sản phẩm hỏng, phân loại và phải thực hiện hạch toán ngay trong kỳ tính giá thành (theo từng tháng) để phản ánh được một cách chính xác chi phí của từng sản phẩm.

Tại công ty, sản phẩm hỏng là các chi tiết, bộ phận của sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn về thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng nhưng đều có thể sửa chữa được. Cho nên thay vì việc công ty không sửa chữa và kế toán chỉ hạch toán vào phế liệu thu hồi, thì công ty nên sửa chữa những chi tiết, bộ phận của sản phẩm hỏng và kế toán nên hạch toán như sau:

**Sơ đồ 3.2: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được**



**3.4.4 Kiến nghị 4: Về việc hạch toán Kinh phí công đoàn**

Hiện nay, tại công ty đang trích các khoản theo lương vào chi phí như sau:

**Biểu 3.1: Các khoản trích theo lương năm 2014 của công ty Lisemco 5**

Khoản mục	Công ty	Công nhân viên	Tổng cộng
Bảo hiểm xã hội	18%	8%	26%
Bảo hiểm Y tế	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	2%
<b>Cộng</b>	<b>22%</b>	<b>10,5%</b>	<b>32,5%</b>

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Như vậy, công ty đã không hạch toán 2% Kinh phí công đoàn vào chi phí làm cho cơ cấu chi phí trong giá thành không đủ và không đúng.

Vì vậy, trong thời gian tới công ty cần xem xét hạch toán Kinh phí công đoàn vào chi phí theo định khoản:

Nợ TK 622:

Nợ TK 627:

Có TK 338 (3382): Kinh phí công đoàn.

**3.4.5 Kiến nghị 5: Về việc áp dụng phần mềm kế toán**

Để giảm tải khối lượng công việc và có thể tập hợp chi phí sản xuất nhanh chóng, kịp thời và tính giá thành chính xác thì công ty nên áp dụng phần mềm kế toán thay vì môi trường làm việc thủ công. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của công ty như: Phần mềm kế toán của Bravo, Misa, Fast, Vcom...

Dưới đây là ví dụ giao diện phần mềm kế toán của Misa phiên bản mới nhất năm 2015:



**Biểu 3.2: Báo giá bán mới phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET 2015**

<b>Gói sản phẩm</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mô tả chi tiết</b>
<b>Express</b>	Miễn phí	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
<b>Starter</b>	2.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm.
<b>Standard</b>	6.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 – 11 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
<b>Professional</b>	8.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 – 13 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, <b>Tài sản cố định, Tiền lương</b> , Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
<b>Enterprise</b>	10.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, <b>Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách</b> , Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

Thông tin về đơn vị cung cấp phần mềm:

Trung tâm kinh doanh doanh nghiệp\_Văn phòng đại diện MISA tại Hà Nội.

Tầng 5, tòa nhà Đại Phát, ngõ 82, phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tel: 04 3762 7891 - Fax: 04 3762 9746.

Email: [esales@han.misa.com.vn](mailto:esales@han.misa.com.vn)

### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5**

#### ***3.5.1 Về phía Nhà nước***

Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

#### ***3.5.2 Về phía doanh nghiệp***

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp sản xuất. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh phụ thuộc vào việc xác định các khoản mục chi phí để tính giá thành sản phẩm.

Đề tài đã hệ thống những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Lisemco 5 như:

- Kiến nghị về việc thay đổi phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho.
- Kiến nghị về việc trích trước tiền thuê phân xưởng của công ty.
- Kiến nghị về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất.
- Kiến nghị về việc hạch toán Kinh phí công đoàn.
- Kiến nghị áp dụng phần mềm kế toán.

Do sự hiểu biết còn nhiều hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em mong các thầy, cô giáo và các anh chị làm việc tại phòng Tài chính - kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5 tham gia và đóng góp ý kiến để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn chân thành đến sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các anh chị làm việc tại phòng Tài chính - kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5 đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng 07 năm 2015

Sinh viên

Bùi Thị Giang

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. TS.Võ Văn Nhị - *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Thống kê 2002.
2. PGS-TS.Nguyễn Đình Đỗ - *Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Tài chính 2006.
3. TS.Phan Đức Dũng – *Kế toán chi phí giá thành*. Nhà xuất bản Thống kê 2007.
4. Bộ tài chính, Hệ thống kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2, Báo cáo tài chính, Chứng từ và sổ kế toán, Sơ đồ kế toán). Nhà xuất bản Lao động năm 2011.